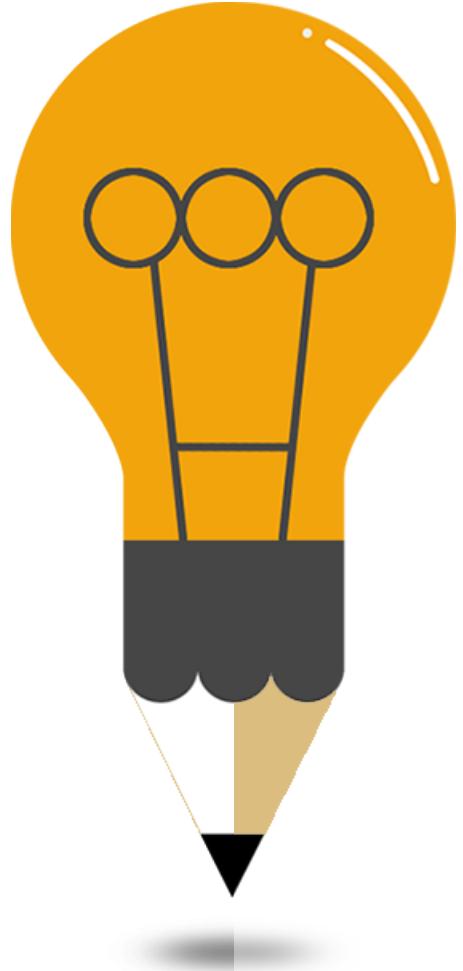


**Cập nhật nội dung về quản lý dự án  
đầu tư ứng dụng công nghệ thông  
tin sử dụng nguồn vốn NSNN theo  
nghị định số 73/2019/NĐ-CP**



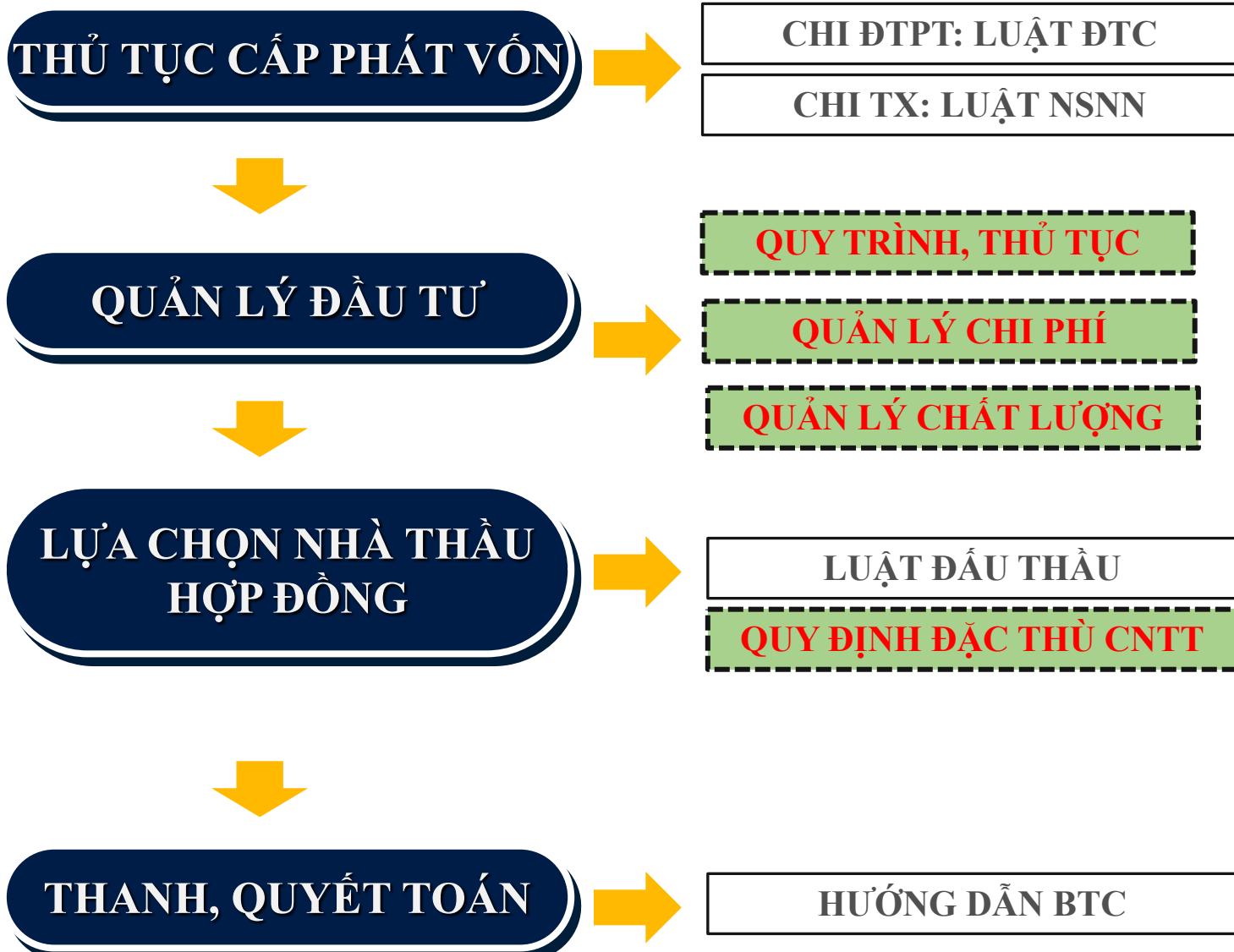


- 1** Tổng quan về quy định quản lý đầu tư ứng dụng CNTT
- 2** Giới thiệu những điểm mới của Nghị định
- 3** Các quy định quản lý dự án ứng dụng CNTT
- 4** Các hoạt động UDCNTT sử dụng vốn chi thường xuyên
- 5** Giới thiệu các văn bản hướng dẫn Nghị định 73

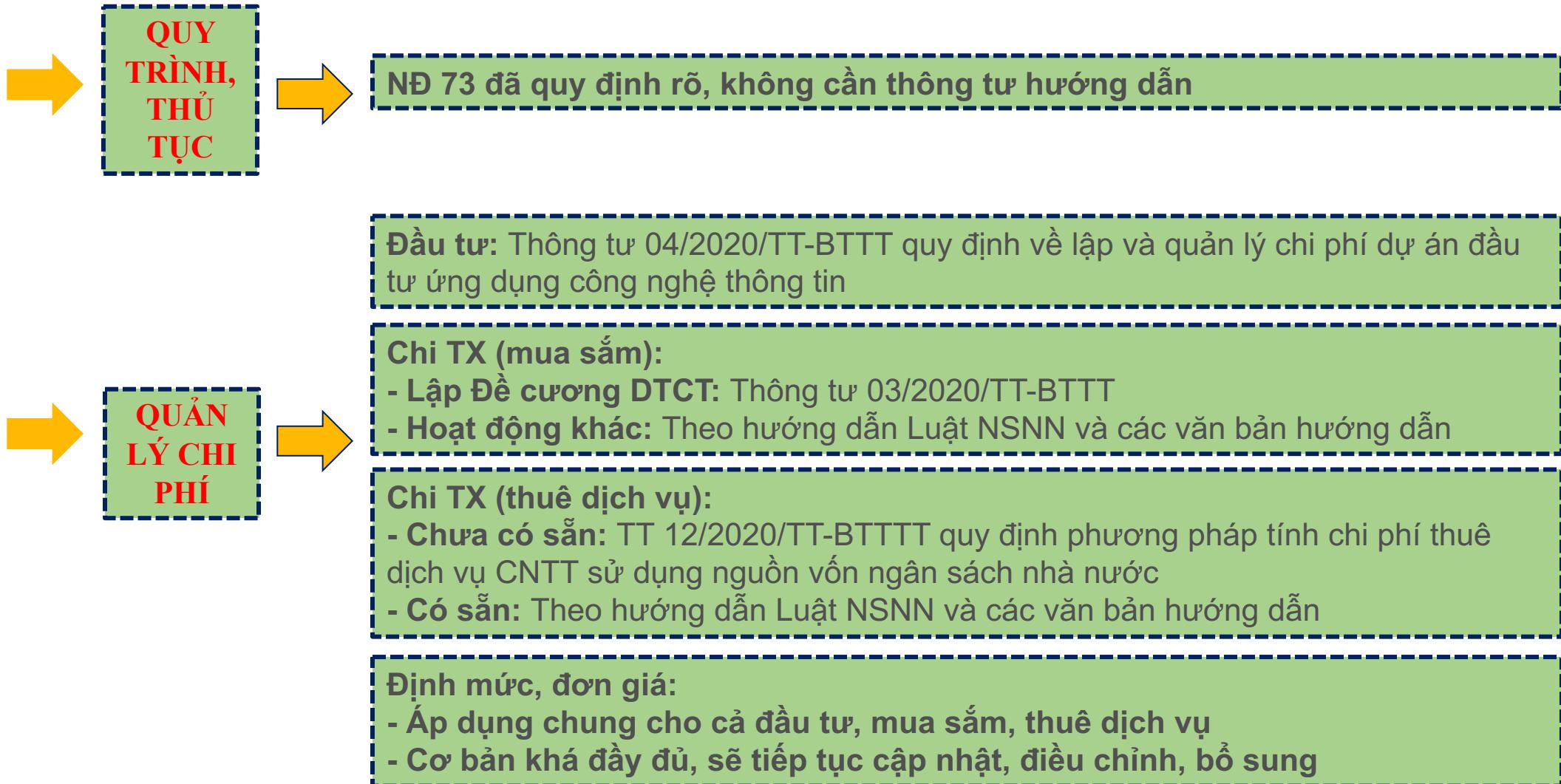


# **1. TỔNG QUAN VỀ QUY ĐỊNH QUẢN LÝ ĐẦU TƯ ỨNG DỤNG CNTT**

# 1. TỔNG QUAN VỀ QUY ĐỊNH QUẢN LÝ ĐẦU TƯ ỨNG DỤNG CNTT SỬ DỤNG NGUỒN VỐN NSNN



# 1. TỔNG QUAN VỀ QUY ĐỊNH QUẢN LÝ ĐẦU TƯ ỨNG DỤNG CNTT SỬ DỤNG NGUỒN VỐN NSNN

QUẢN  
LÝ  
ĐẦU  
TƯ

# 1. TỔNG QUAN VỀ QUY ĐỊNH QUẢN LÝ ĐẦU TƯ ỨNG DỤNG CNTT SỬ DỤNG NGUỒN VỐN NSNN

QUẢN  
LÝ  
ĐẦU  
TƯ



QUẢN  
LÝ  
CHẤT  
LƯỢNG

**Đầu tư:** Thông tư 24/2020/TT-BTTTT quy định công tác triển khai, giám sát triển khai và nghiệm thu dự án đầu tư ứng dụng CNTT (thay thế Thông tư số 28/2010/TT-BTTTT, bổ sung quy định về triển khai, nghiệm thu, kiểm thử, vận hành thử)

**Chi TX (mua sắm):**

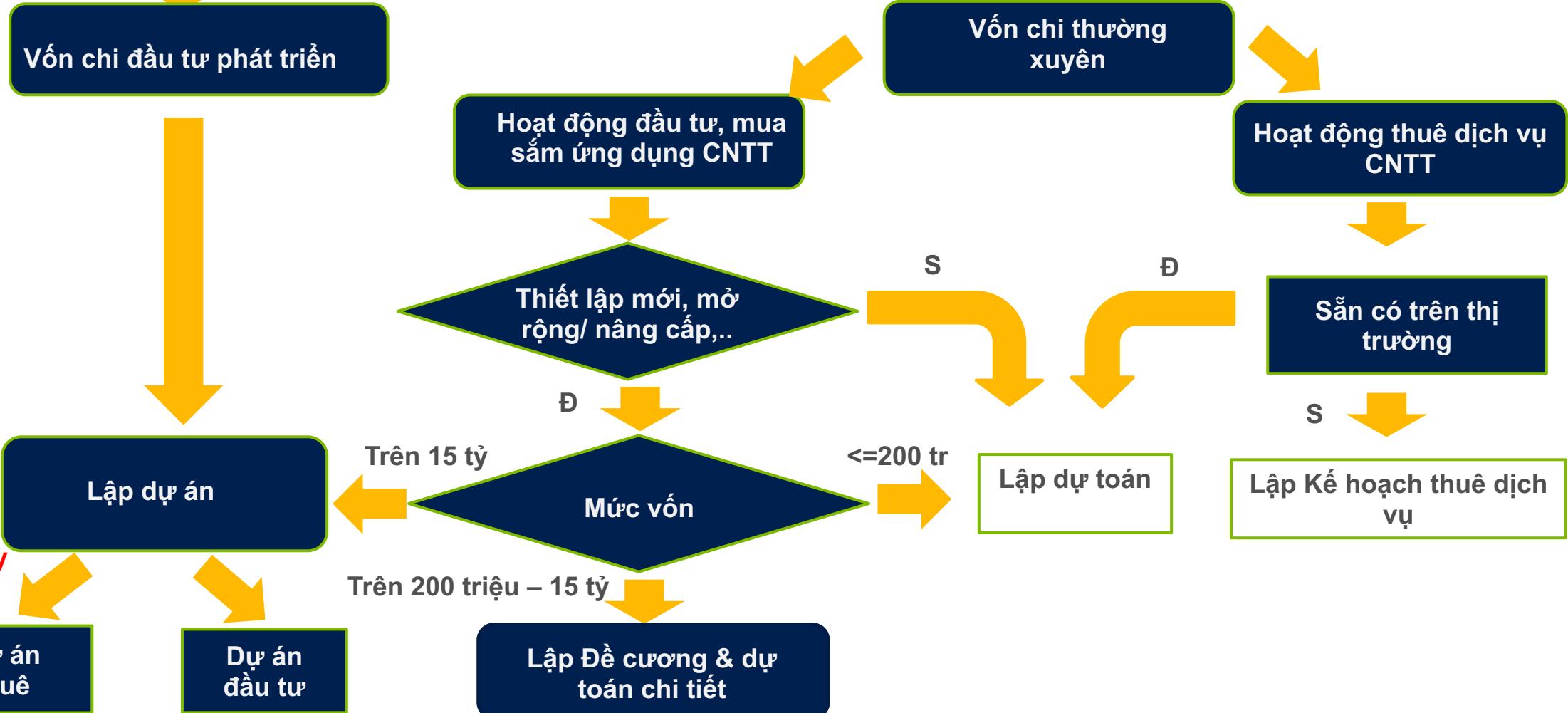
- **Lập Đề cương DTCT:** quy định tại Thông tư 03/2020/TT-BTTT
- **Hoạt động khác:** Theo Hợp đồng và vận dụng các văn bản khác

**Chi TX (thuê dịch vụ):**

- **Chưa có sẵn:** Thông tư 23/2020/TT-BTTTT quy định các nội dung đặc thù của hợp đồng thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử nguồn vốn ngân sách nhà nước (bãi bỏ 2455a/BTTTT-THH)
- **Có sẵn:** Theo Hợp đồng và vận dụng các văn bản khác

# 1. TỔNG QUAN VỀ QUY ĐỊNH QUẢN LÝ ĐẦU TƯ ỦNG DỤNG CNTT SỬ DỤNG NGUỒN VỐN NSNN

## QUẢN LÝ ĐẦU TƯ ỦNG DỤNG CNTT SỬ DỤNG NGUỒN VỐN NSNN





## **2. GIỚI THIỆU MỘT SỐ ĐIỂM MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH 73/2019/NĐ-CP**



- 01
- 02
- 03
- 04

04 điểm mới cơ bản về quản lý dự án  
ƯDCNTT so với NĐ 102

03 điểm mới cơ bản về thuê dịch vụ  
CNTT so với QĐ 80

03 điểm mới cơ bản về hoạt động ứng  
dụng CNTT sử dụng kinh phí chi  
thường xuyên so với NĐ 102

Chi tiết 21 điểm mới chính của Nghị định 73

**04 điểm mới cơ bản đổi với dự án đầu tư ứng dụng CNTT so với NĐ 102****01**

Bỏ các quy định: giám sát công tác khảo sát; chỉ huy thi công tại hiện trường, giám sát thi công đổi với phần mềm nội bộ; bản vẽ hoàn công; giám sát của cộng đồng; giải quyết sự cố trong quá trình đầu tư, vận hành, bảo hành; quy định về điều kiện năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân; quy định phần ứng dụng CNTT trong dự án hỗn hợp phải tách riêng thành hai dự án độc lập so với Nghị định số 102/2009/NĐ-CP.

**03**

Quy định xác định chi phí xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng phần mềm theo báo giá thị trường để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án.

**02**

Quy định các bước thiết kế ứng dụng công nghệ thông tin gồm có: thiết kế 01 bước hoặc 02 bước. (*Giảm được 30-50% bước trong quy trình so với Nghị định 102/2009/NĐ-CP*).

**04**

Quy định đối với sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin chưa sẵn có trên thị trường khó xác định đầu bài ngay từ ban đầu, được lựa chọn các tổ chức, cá nhân nghiên cứu, đề xuất giải pháp, phương án kỹ thuật, công nghệ; xây dựng, thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ. Sau khi thử nghiệm thành công, xác định được bài toán thì tiến hành các thủ tục đầu tư theo quy định.

**03 điểm mới cơ bản đổi với hoạt động đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn chi thường xuyên****01**

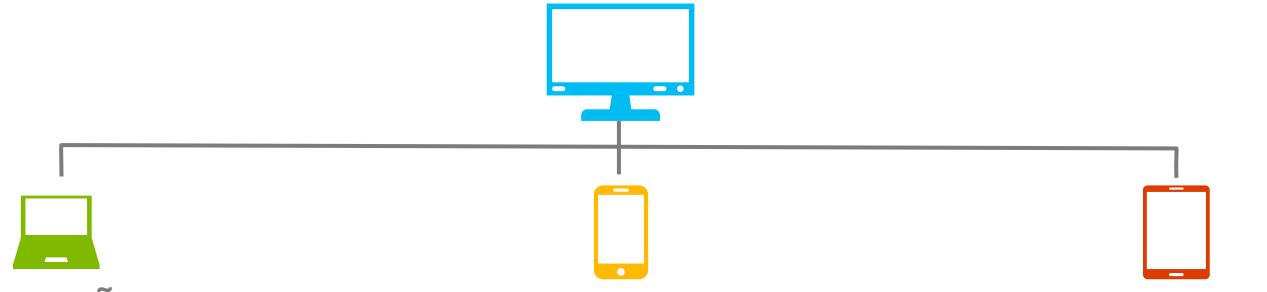
*Bổ sung quy định kinh phí chi thường xuyên được đầu tư mới (thiết lập mới). Nghị định 102 không có quy định này (chỉ được nâng cấp, mở rộng).*

**02**

*Bổ sung quy định các hoạt động ứng dụng CNTT mang tính thường xuyên hoặc cấp bách, tính chất công việc ít thay đổi và đơn lẻ từ năm này sang năm khác thì thực hiện đơn giản (không phải lập đề cương, dự toán chi tiết)*

**03**

*Nâng hạn mức hoạt động ứng dụng CNTT (thiết lập mới, mở rộng hoặc nâng cấp cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu) sử dụng nguồn chi thường xuyên không phải lập dự án từ 3 tỷ lên 15 tỷ. Trên 15 tỷ phải lập dự án.*

**03 điểm mới cơ bản đối với hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin so với QĐ 80**

Đối với dịch vụ sẵn có, quy trình thực hiện đơn giản (không phải lập kế hoạch thuê dịch vụ), chi phí thuê dịch vụ được xác định trên cơ sở thị trường

Đối với dịch vụ chưa sẵn có, quy trình thực hiện theo kế hoạch thuê dịch vụ và có nhiều phương pháp xác định chi phí thuê

Đối với dịch vụ chưa sẵn có trên thị trường khó xác định đầu bài ngay từ ban đầu, được lựa chọn các tổ chức, cá nhân nghiên cứu, đề xuất giải pháp, phương án kỹ thuật, công nghệ; xây dựng, thử nghiệm dịch vụ. Sau khi thử nghiệm thành công, xác định được bài toán (dịch vụ) thì tiến hành các thủ tục thuê dịch vụ CNTT theo quy định

**I. ĐỔI VỚI QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ ỨNG DỤNG CNTT**

1. *Bỏ các quy định mang tính chất của dự án xây dựng: giám sát khảo sát; chỉ huy thi công tại hiện trường; giám sát thi công đối với phần mềm, giám sát của cộng đồng, giải quyết sự cố trong quá trình đầu tư, vận hành, bảo hành.*
2. *Quy định các bước thiết kế gồm: thiết kế 1 bước và thiết kế 2 bước. Việc thiết kế 1 bước hay 2 bước tùy theo quy mô, tính chất của dự án và lựa chọn của người có thẩm quyền quyết định đầu tư.*
3. *Cắt giảm các quy trình, thủ tục thực hiện dự án: Giảm được 39/74 bước công việc đối với quy trình thiết kế 01 bước so với Nghị định 102/2009/NĐ-CP; Giảm được 25/74 bước công việc đối với quy trình thiết kế 02 bước so với Nghị định 102/2009/NĐ-CP*
4. *Bỏ quy định phần ứng dụng CNTT trong dự án hỗn hợp phải tách riêng thành hai dự án độc lập.*
5. *Bổ sung nhiều phương pháp xác định chi phí trong tổng mức đầu tư để lựa chọn, trong đó có phương pháp lấy báo giá thị trường; Bổ sung quy định chi phí kiểm thử được tính trong tổng mức đầu tư (NĐ 102 không có quy định này); bổ sung thêm các chi phí vào tổng mức đầu tư.*

**I. ĐỔI VỚI QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ ỨNG DỤNG CNTT (tiếp)**

6. *Bổ sung quy định đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng công nghệ mới, có thể áp dụng phương pháp báo giá thị trường để xác định tổng mức đầu tư.*
7. *Quy định nội dung thiết kế cơ sở đơn giản đủ để lấy báo giá xác định tổng mức đầu tư.*
8. *Bổ sung quy định phương pháp xác định sơ bộ tổng mức đầu tư trong Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.*
9. *Quy định cho phép khảo sát và lập báo cáo nghiên cứu khả thi bởi một nhà thầu.*
10. *Quy định về thiết kế điển hình và cho phép xác định dự toán trên cơ sở dự toán của thiết kế điển hình.*
11. *Quy định về áp dụng hình thức gói thầu hồn hợp (EP, EC, EPC, Chìa khóa trao tay) đối với dự án, hạng mục phần mềm nội bộ.*
12. *Bổ sung quy định đối với sản phẩm công nghệ thông tin chưa sẵn có trên thị trường, khó xác định đầu bài ngay từ ban đầu, được lựa chọn các tổ chức, cá nhân nghiên cứu, đề xuất giải pháp, phương án kỹ thuật, công nghệ; xây dựng, thử nghiệm sản phẩm. Sau khi thử nghiệm thành công, xác định được bài toán thì tiến hành các thủ tục đầu tư theo quy định.*

*Chi tiết 21 điểm mới của Nghị định 73/2019/NĐ-CP***II. ĐỔI VỚI THUÊ DỊCH VỤ CNTT**

13. Quy định hoạt động thuê dịch vụ sẵn có sử dụng kinh phí chi thường xuyên thì thực hiện đơn giản (có dự toán được giao => tổ chức đấu thầu chọn nhà cung cấp dịch vụ và thuê dịch vụ).
14. Quy định rõ quy trình, thủ tục thực hiện thuê dịch vụ CNTT không sẵn có sử dụng kinh phí chi thường xuyên (lập kế hoạch thuê => thẩm định KH thuê => phê duyệt kế hoạch => đấu thầu chọn nhà cung cấp dịch vụ => xây dựng, hình thành dịch vụ => kiểm thử hoặc vận hành thử trước khi đưa vào thuê chính thức).
15. Quy định rõ các thành phần chi phí trong dự toán thuê dịch vụ CNTT và nhiều phương pháp xác định.
16. Bổ sung quy định Bộ TTTT hướng dẫn phương pháp tính chi phí thuê dịch vụ; hướng dẫn các nội dung đặc thù của hợp đồng thuê dịch vụ.
17. Quy định vấn đề sở hữu thông tin, dữ liệu hình thành trong quá trình thuê dịch vụ (bỏ quy định bắt buộc chuyển giao phần mềm tại QĐ 80).
18. Bổ sung quy định đối với dịch vụ công nghệ thông tin chưa sẵn có trên thị trường khó xác định đấu bài ngay từ ban đầu, được lựa chọn các tổ chức, cá nhân nghiên cứu, đề xuất giải pháp, phương án kỹ thuật, công nghệ; xây dựng, thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ. Sau khi thử nghiệm thành công, xác định được bài toán thì tiến hành các thủ tục thuê dịch vụ CNTT theo quy định. Quy định này giúp tháo gỡ các vấn đề vướng mắc trong quá trình xây dựng Chính phủ điện tử hiện nay khi cần thiết phải đầu tư, thuê các ứng dụng, giải pháp công nghệ mới.

**III. ĐỔI VỚI HOẠT ĐỘNG ỦNG DỤNG CNTT SỬ DỤNG KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYÊN**

19. *Bổ sung quy định kinh phí chi thường xuyên được đầu tư mới (thiết lập mới);*
20. *Bổ sung quy định các hoạt động mua sắm đơn thuần hoặc cấp bách, sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên thì thực hiện đơn giản, không phải lập đề cương, dự toán chi tiết (có dự toán được giao => tổ chức đấu thầu chọn nhà thầu cung cấp).*
21. *Nâng hạn mức hoạt động ứng dụng CNTT sử dụng nguồn chi thường xuyên phải lập đề cương, dự toán chi tiết (từ mức dưới 3 tỷ lên mức dưới 15 tỷ).*



### **3. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

### 3. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ)

QUY  
TRÌNH,  
THỦ  
TỤC

THẨM  
QUYỀN,  
NỘI  
DUNG



BUỚC 1

BUỚC 2

.....

BUỚC n

### 3. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ)

## Xác định, phân loại dự án

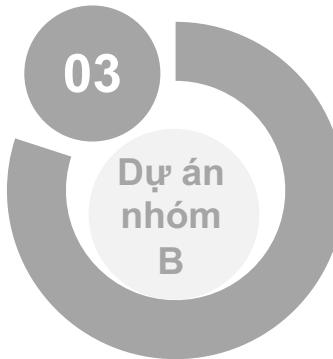
Tiêu chí phân loại dự án thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công



Tổng mức đầu tư từ 10 nghìn tỷ đồng



Tổng mức đầu tư trên 800 tỷ đồng



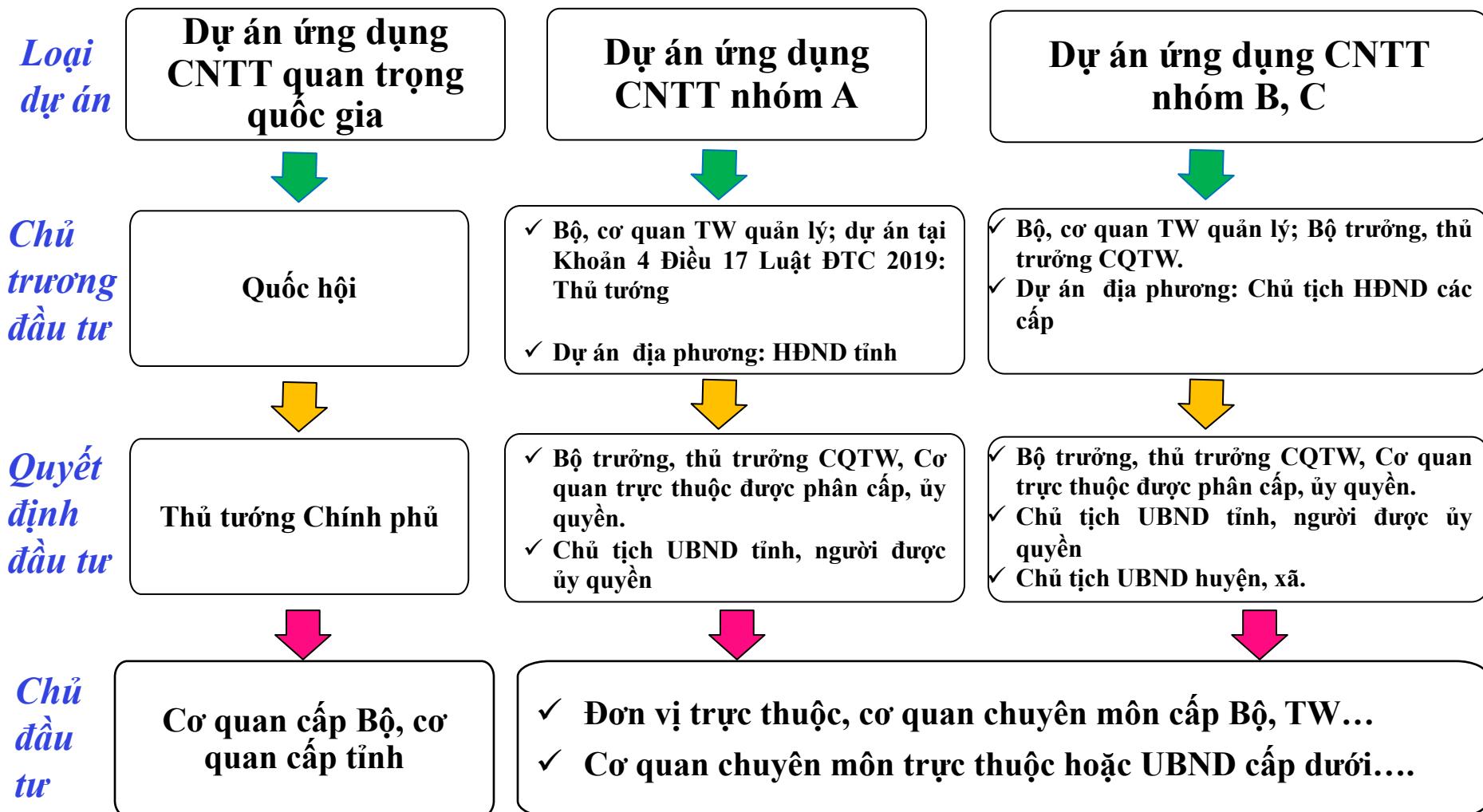
Tổng mức đầu tư từ 45 tỷ đến dưới 800 tỷ đồng



Tổng mức đầu tư dưới 45 tỷ đồng

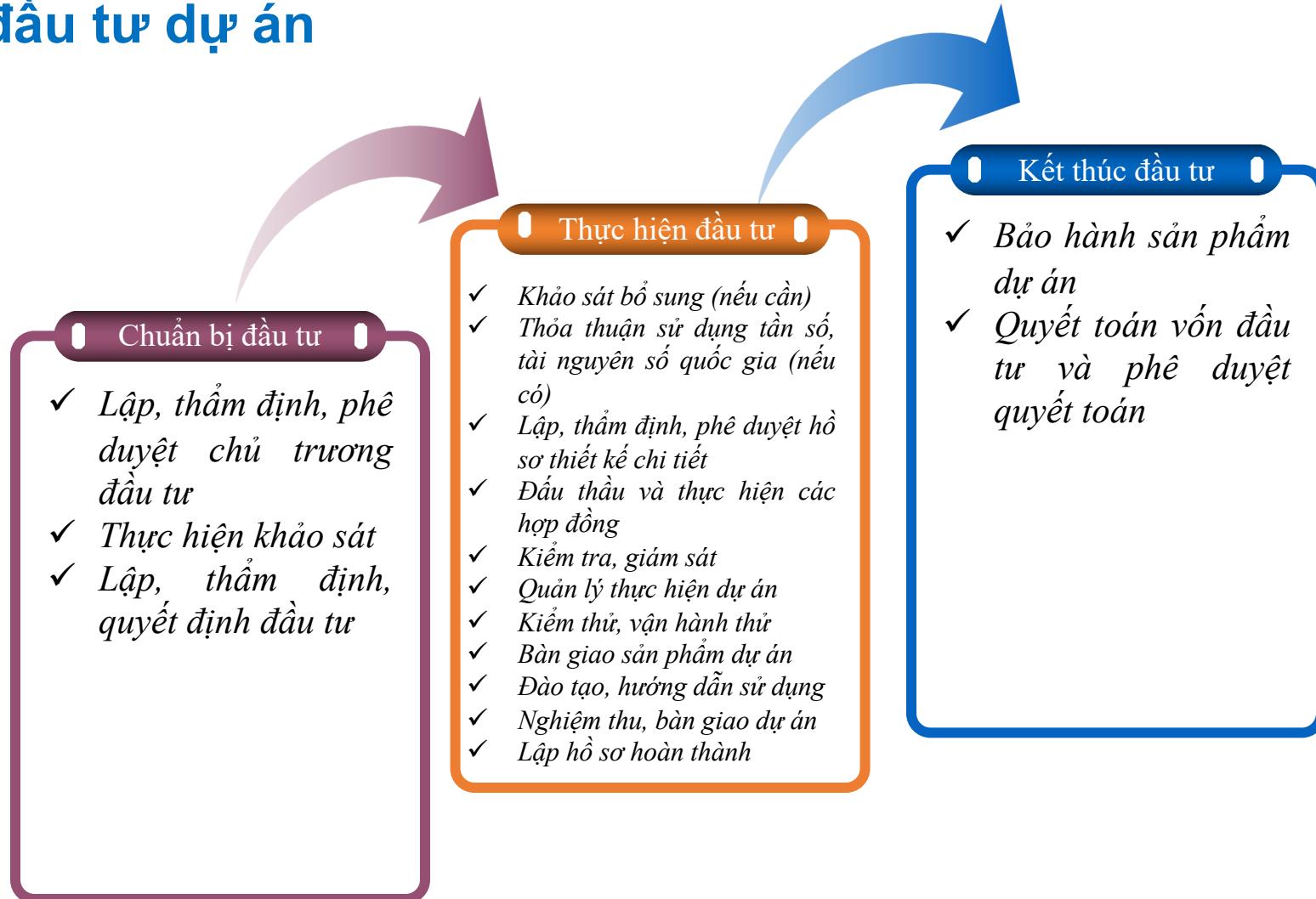
### 3. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ)

#### Thẩm quyền đối với từng nhóm dự án



### 3. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ)

#### Trình tự đầu tư dự án



### 3.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (chuẩn bị đầu tư)

---

**GIAI ĐOẠN:  
CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**



### 3.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (chuẩn bị đầu tư)

---



### 3.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (chuẩn bị đầu tư)

#### Tổng quan Lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư

\* **Đơn vị lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi/Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư**

- ✓ Tự thực hiện lập.
- ✓ Thuê đơn vị tư vấn lập

\* **Nội dung => Luật ĐTC**

✓ Sơ bộ tổng mức đầu tư được xác định theo các phương pháp:

- Phương pháp so sánh
- Phương pháp chuyên gia
- Theo báo giá thị trường
- Kết hợp các phương pháp
- Căn cứ theo KH ứng dụng CNTT được duyệt

**Thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi/BC đề xuất chủ trương đầu tư**

- ✓ Thẩm quyền => Luật ĐTC
- ✓ Trình tự, thời gian, hồ sơ => Luật ĐTC
- ✓ Nội dung thẩm định => Luật ĐTC

**Thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn**

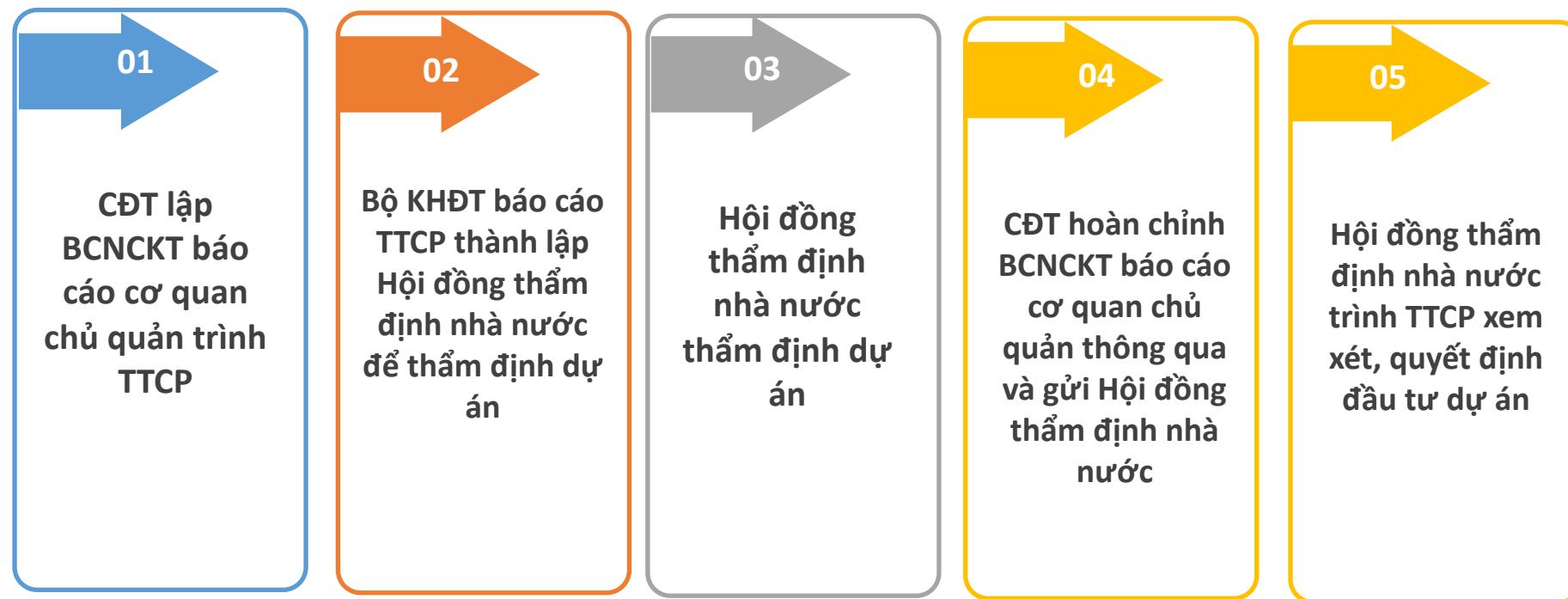
- ✓ Thẩm quyền => Luật ĐTC
- ✓ Trình tự, thời gian, hồ sơ => Luật ĐTC
- ✓ Nội dung thẩm định => Luật ĐTC

**Quyết định chủ trương đầu tư**

- ✓ Thẩm quyền => Luật ĐTC
- ✓ Hồ sơ trình duyệt => Luật ĐTC

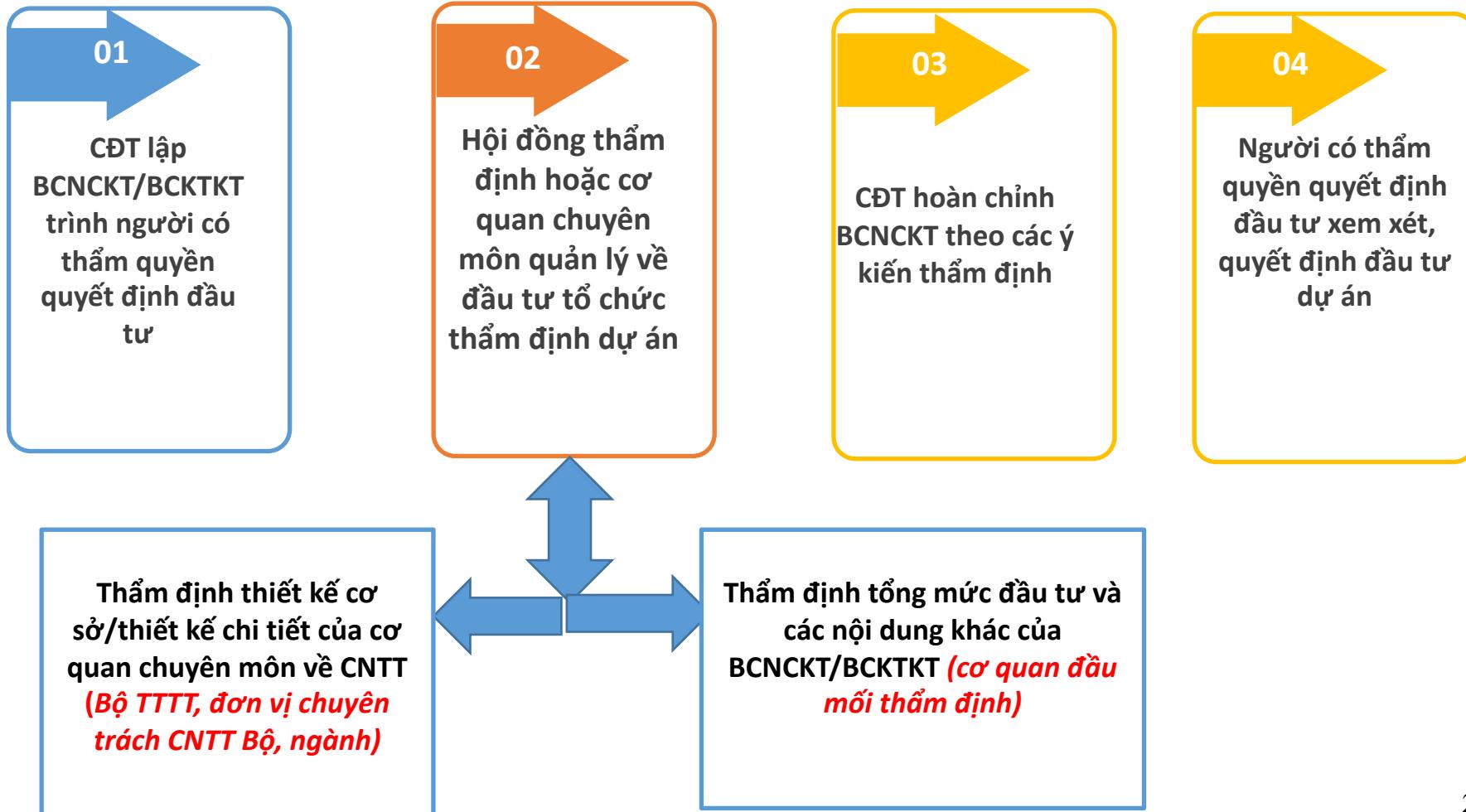
### 3.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (chuẩn bị đầu tư)

#### Trình tự lập, thẩm định, quyết định dự án quan trọng quốc gia

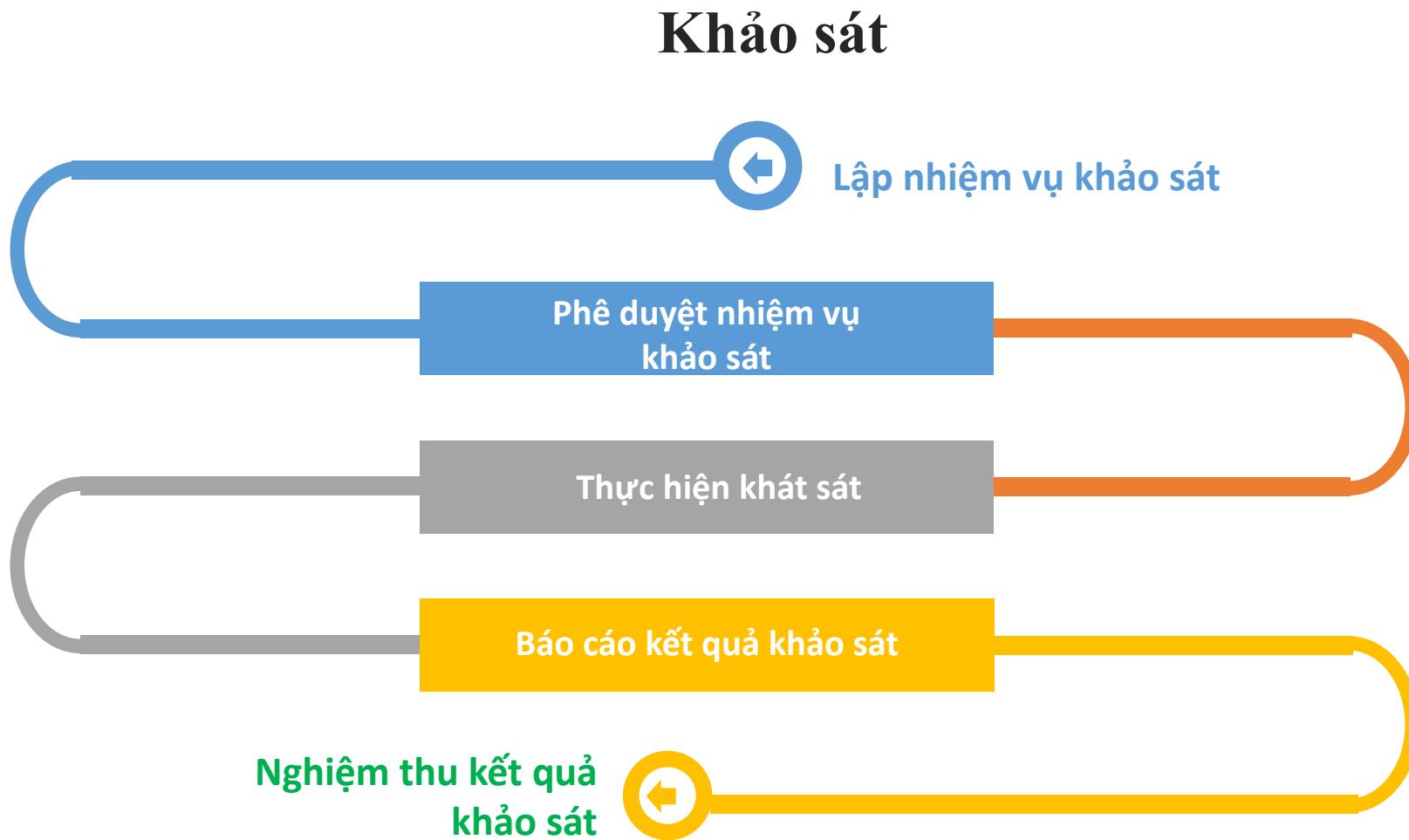


### 3.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (chuẩn bị đầu tư)

#### Trình tự lập, thẩm định, quyết định dự án nhóm A, B, C

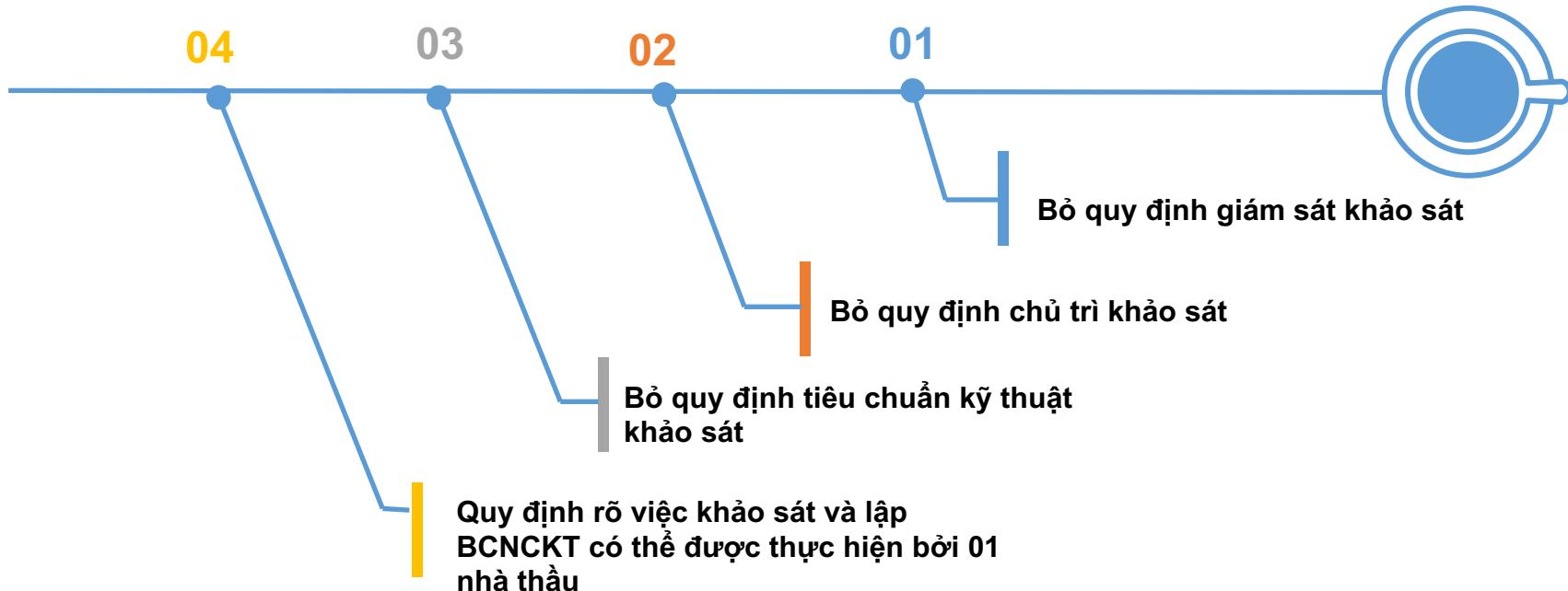


### 3.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (chuẩn bị đầu tư)



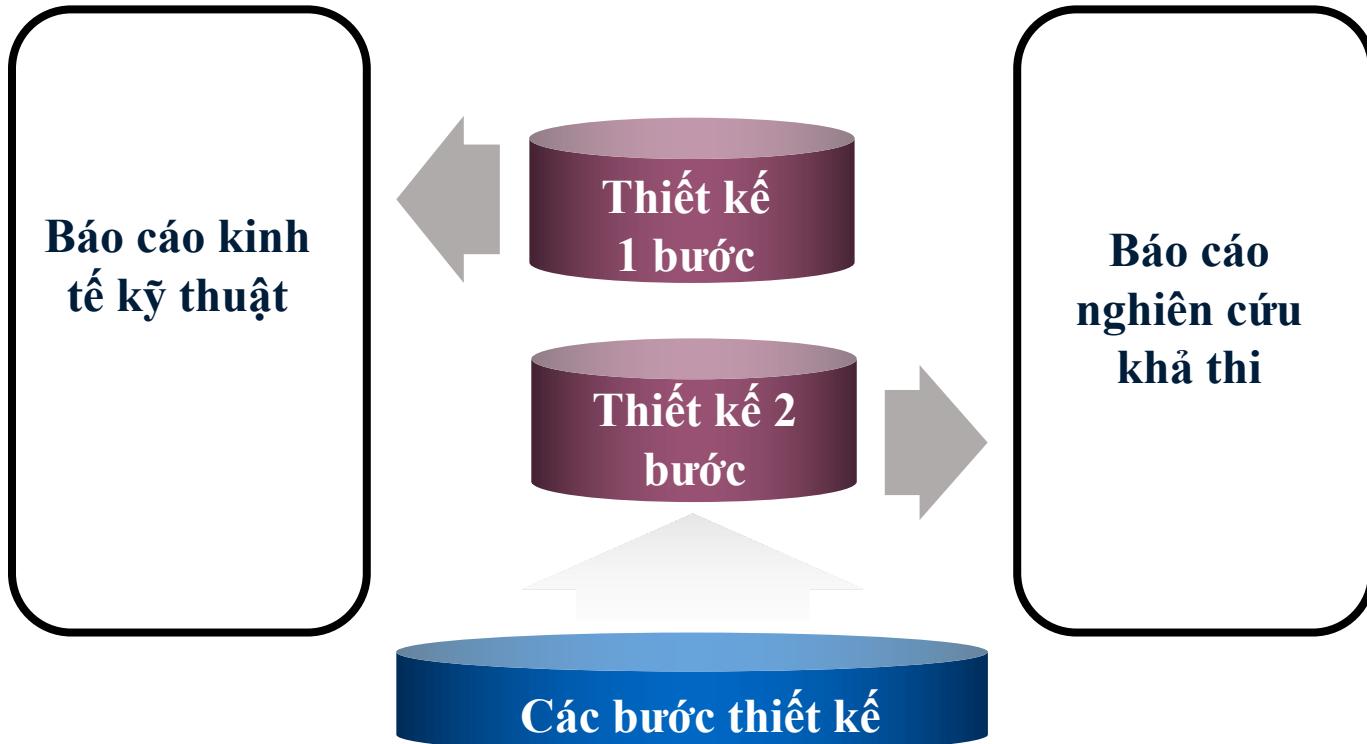
### 3.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (chuẩn bị đầu tư)

Những điểm mới trong quy định khảo sát của ND 73 so với ND 102



### 3.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (chuẩn bị đầu tư)

---



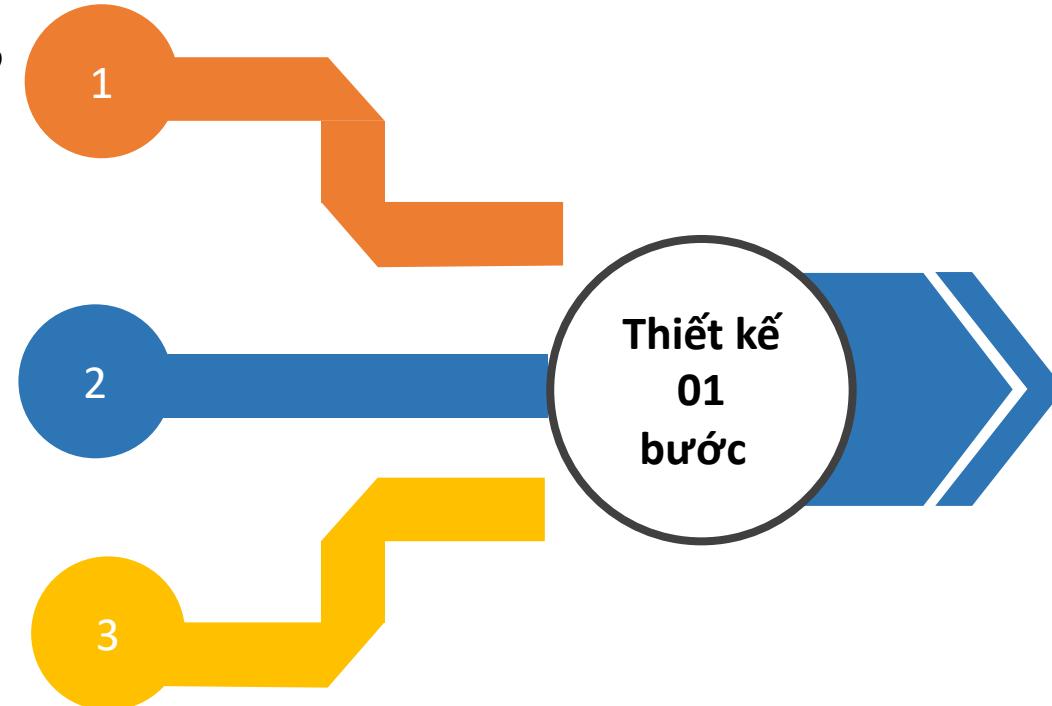
### 3.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (chuẩn bị đầu tư)

#### Các bước thiết kế

Dự án mua sắm dự phòng, thay thế các thiết bị phần cứng thuộc hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện có, mua sắm thiết bị không cần lắp đặt, phần mềm thương mại

Dự án đầu tư mới, mở rộng hoặc nâng cấp cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu có tổng mức đầu tư từ 15 tỷ đồng trở xuống

Dự án đầu tư mới, mở rộng hoặc nâng cấp cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu nếu xét thấy đủ điều kiện để thiết kế chi tiết và xác định dự toán



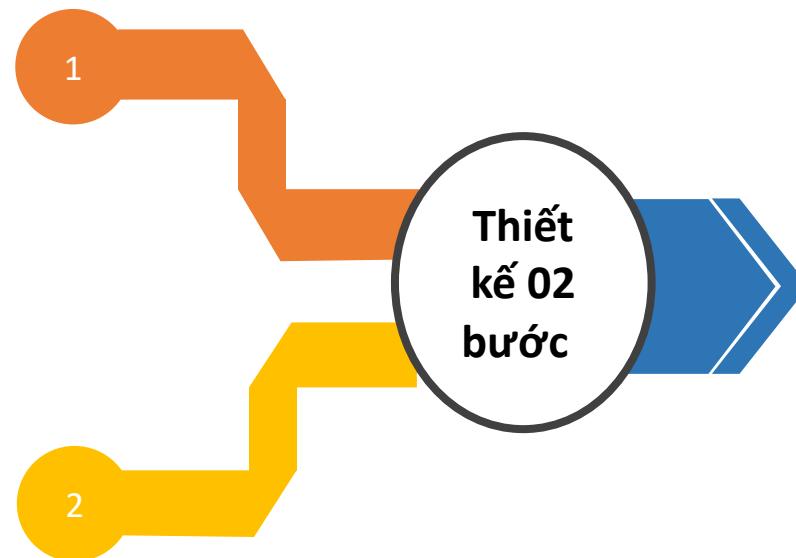
Các trường hợp thiết kế 01 bước, thiết kế chi tiết và dự toán của báo cáo kinh tế - kỹ thuật được lập tại giai đoạn chuẩn bị đầu tư thay cho thiết kế cơ sở và tổng mức đầu tư của báo cáo nghiên cứu khả thi

### 3.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (chuẩn bị đầu tư)

#### Các bước thiết kế

*Trừ các trường hợp thiết kế 1 bước*

*Hoặc trong trường hợp người có thẩm quyền quyết định đầu tư thấy cần thiết phải thực hiện thiết kế 2 bước*



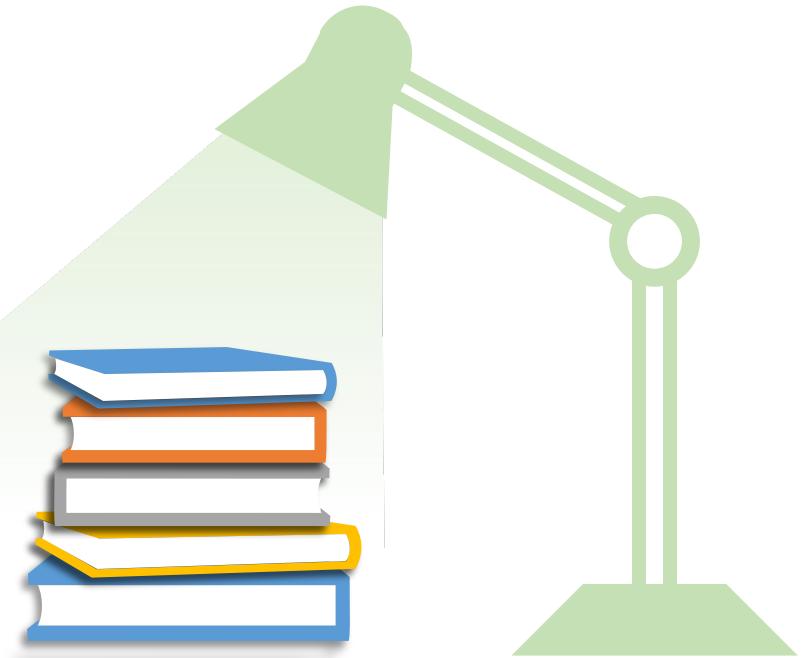
*Thiết kế chi tiết phải phù hợp với thiết kế cơ sở đã được phê duyệt về mô hình tổng thể, mô hình lô-gic, mô hình vật lý của hệ thống hoặc các thành phần của hệ thống (nếu có)*

### **3.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (chuẩn bị đầu tư)**

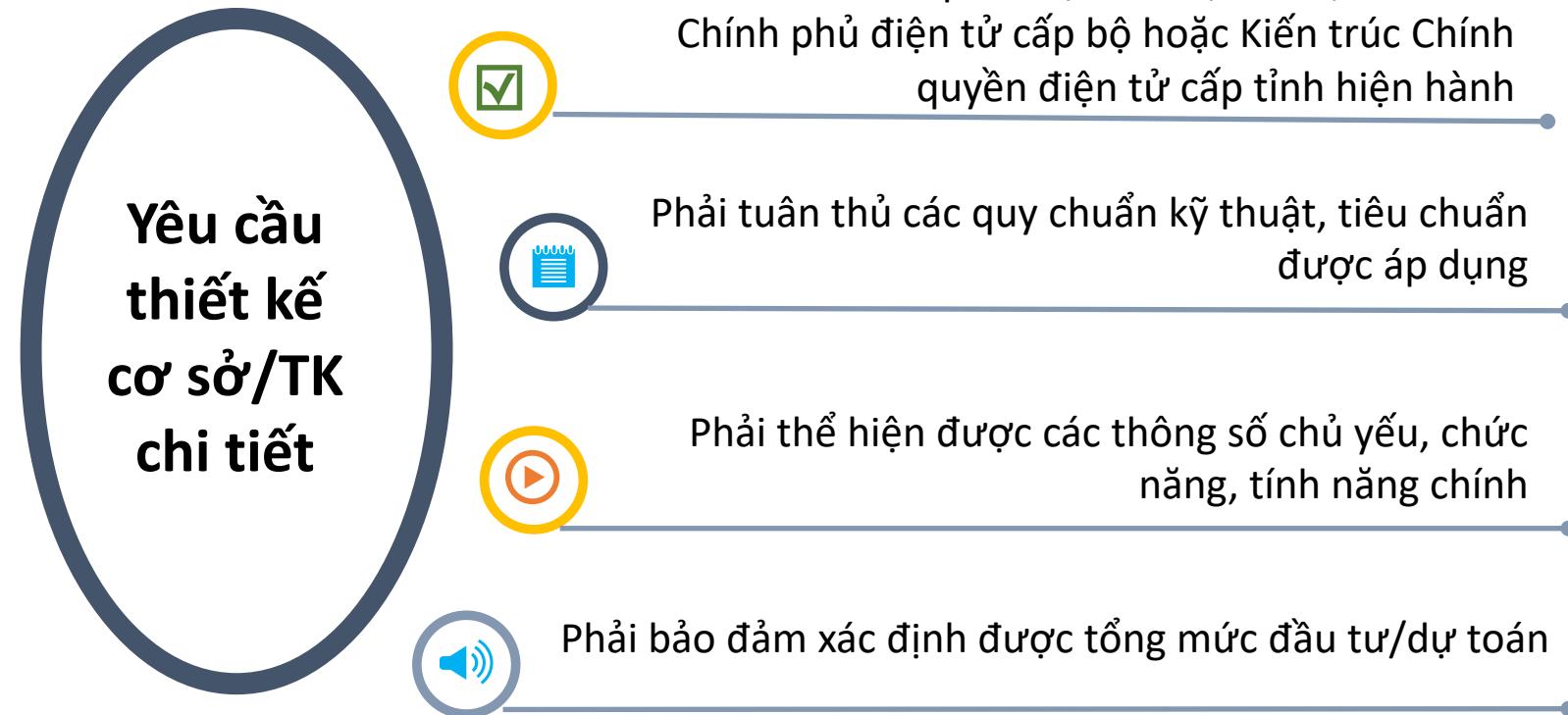
#### **Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi/BC kinh tế - kỹ thuật**

##### **Nội dung của Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật**

- ✓ Các nội dung quy định tại Luật Đầu tư công
- ✓ Thiết kế cơ sở là 1 phần của BCNCKT hoặc Thiết kế chi tiết là 1 phần của BCKTKT trong trường hợp thiết kế 1 bước.
- ✓ BCNCKT/BCKTKT cần thuyết minh rõ các nội dung:
  - Đánh giá sự tuân thủ Khung kiến trúc CPĐT, CQĐT.
  - Phân tích, lựa chọn phương án công nghệ, kỹ thuật, thiết bị, trong đó có phân tích, lựa chọn phương án bảo đảm tính kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu liên quan; yêu cầu về tính sẵn sàng với IPv6 hoặc giải pháp nâng cấp hệ thống bảo đảm sẵn sàng với IPv6 nếu có các nội dung liên quan hoạt động trên môi trường Internet.
  - Thiết kế cơ sở/thiết kế chi tiết của phương án chọn.



### 3.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (chuẩn bị đầu tư)



**Thiết kế cơ sở (thiết kế 2 bước) và Thiết kế chi tiết (trường hợp thiết kế 1 bước)**

### 3.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (chuẩn bị đầu tư)

#### • Nội dung thiết kế cơ sở - Phần thuyết minh



- 01** Mô tả các yêu cầu của dự án.
- 02** Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn được áp dụng
- 03** Thuyết minh mô hình tổng thể, mô hình lô-gic, mô hình vật lý của hệ thống hoặc các thành phần của hệ thống (nếu có), đưa ra các hạng mục đầu tư chính của dự án theo phương án đã chọn bảo đảm thể hiện được các kết nối bên trong, bên ngoài, đường truyền (nếu có) của hệ thống và tính toán (sizing) thông số kỹ thuật cơ bản, số lượng thiết bị
- 04** Mô tả yêu cầu kỹ thuật cần đáp ứng của phần mềm nội bộ. (Tên phần mềm, các thông số chủ yếu, các yêu cầu phi chức năng)

### 3.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (chuẩn bị đầu tư)

#### • Nội dung thiết kế cơ sở - Phần sơ đồ sơ bộ



01

Các tài liệu về hiện trạng hạ tầng kỹ thuật và các điều kiện khác; sơ đồ sơ bộ xây lắp, lắp đặt (đối với xây lắp mạng, lắp đặt thiết bị công nghệ thông tin và các phụ kiện)

02

Sơ đồ sơ bộ thể hiện việc kết nối, liên thông với các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu liên quan

### 3.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (chuẩn bị đầu tư)

Nội dung thiết kế cơ sở - Đối với các hạng mục hoặc dự án mua sắm dự phòng, thay thế các thiết bị phần cứng thuộc hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện có, mua sắm thiết bị không cần lắp đặt, phần mềm thương mại



01

Danh mục thiết bị phần cứng, phần mềm thương mại và các yêu cầu về kỹ thuật của thiết bị

02

Thống kê khối lượng các thiết bị phần cứng, phần mềm thương mại

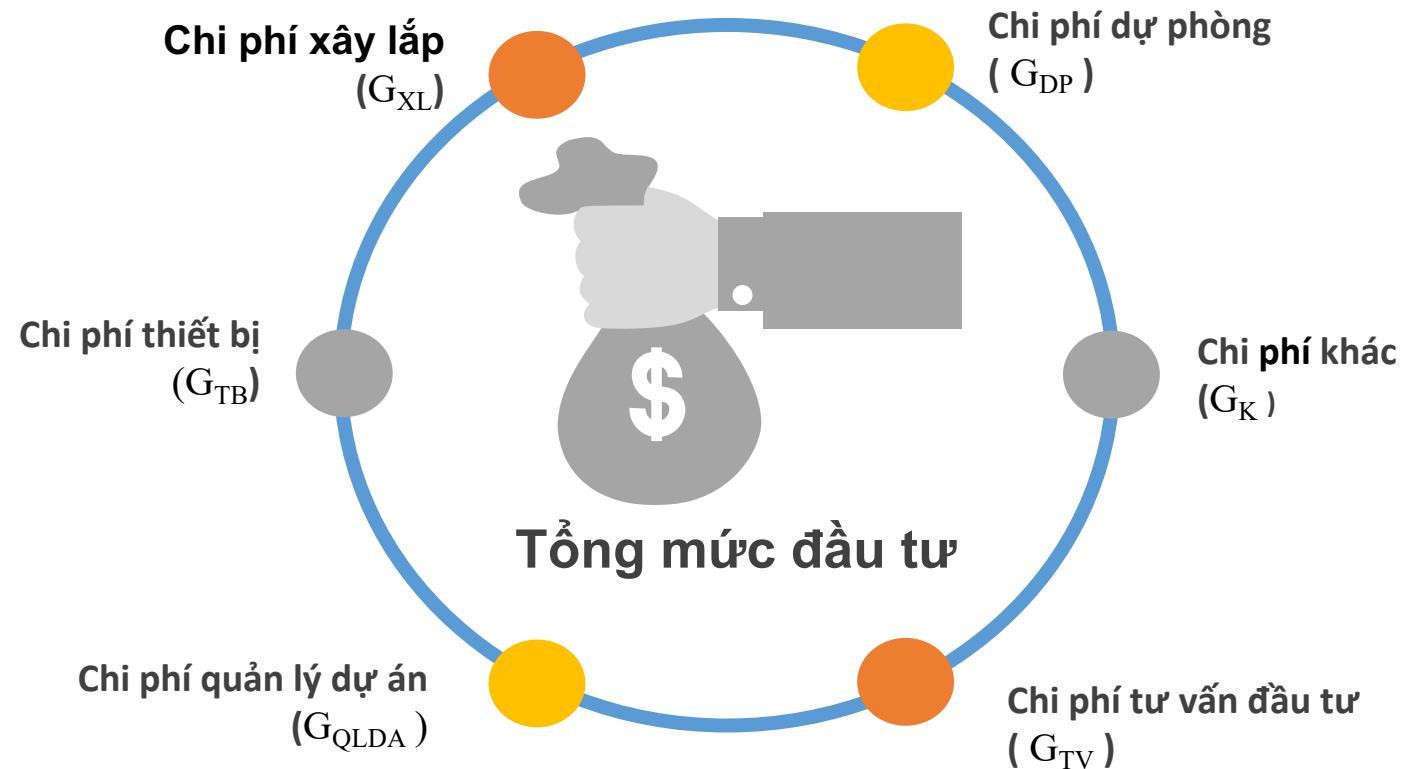
### **3.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (chuẩn bị đầu tư)**

---

#### **TỔNG MỨC ĐẦU TƯ**

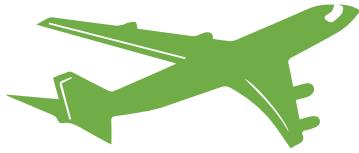
- Tổng mức đầu tư dự án là toàn bộ chi phí dự tính để đầu tư được ghi trong quyết định đầu tư, là cơ sở để chủ đầu tư lập kế hoạch và quản lý vốn khi thực hiện đầu tư dự án.
- Tổng mức đầu tư được tính toán và xác định trong giai đoạn lập báo cáo nghiên cứu khả thi phù hợp với nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi và thiết kế cơ sở.
- Trường hợp dự án thực hiện lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật, dự toán được lập thay cho tổng mức đầu tư. Dự toán tính theo khối lượng từ thiết kế chi tiết và các quy định tại Điều 28 Nghị định 73/2019/NĐ-CP.

### 3.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (chuẩn bị đầu tư)



### **3.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (chuẩn bị đầu tư)**

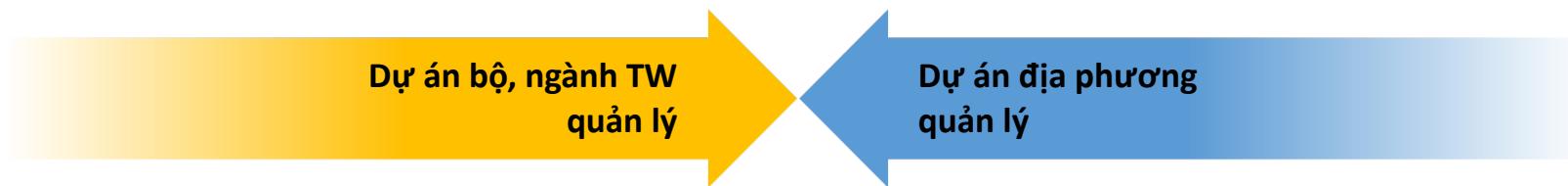
#### **Tổng mức đầu tư (tiếp)**



- Trường hợp dự án được triển khai trên phạm vi nhiều địa điểm khác nhau hoặc ở nước ngoài, các chi phí thành phần của tổng mức đầu tư được tính thêm chi phí di chuyển thiết bị và lực lượng lao động.
- Các chi phí thành phần của tổng mức đầu tư (chi phí xây lắp, chi phí thiết bị, chi phí tư vấn, chi phí quản lý, chi phí khác, chi phí dự phòng) nếu chưa có quy định về định mức hoặc chưa tính được ngay thì được tạm tính để đưa vào tổng mức đầu tư.

### 3.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (chuẩn bị đầu tư)

#### • Thẩm quyền thẩm định BCNCKT hoặc BCKTKT



- ✓ Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan TW thành lập hội đồng thẩm định hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư thẩm định BCNCKT/BCKTKT
- ✓ Đối với dự án cấp tỉnh quản lý: Chủ tịch UBND cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định đối với dự án nhóm A; giao sở KHĐT chủ trì thẩm định đối với dự án nhóm B, C
- ✓ Đối với dự án do cấp huyện, xã quản lý: Chủ tịch UBND huyện, xã giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư hoặc thành lập Hội đồng thẩm định BCNCKT/BCKTKT

### 3.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (chuẩn bị đầu tư)

#### Thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở (thiết kế 2 bước) và thẩm quyền thẩm định thiết kế chi tiết (thiết kế 1 bước)

##### Đối với dự án nhóm A

Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm định thiết kế cơ sở/TKCT đối với dự án nhóm A, trừ các dự án đầu tư mua sắm dự phòng, thay thế các thiết bị phần cứng thuộc hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện có, mua sắm thiết bị không cần lắp đặt, phần mềm thương mại.

Trường hợp cần thiết, bộ, cơ quan trung ương, địa phương có thể lấy thêm ý kiến của Bộ Thông tin và Truyền thông đối với thiết kế cơ sở dự án khác

##### Dự án do UBND các cấp quyết định đầu tư

Đơn vị chuyên môn về công nghệ thông tin trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định thiết kế cơ sở/TKCT đối với dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư, trừ các dự án có thiết kế cơ sở thuộc thẩm quyền thẩm định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

01

02

03

04

##### Đối với dự án do Bộ, ngành quyết định đầu tư

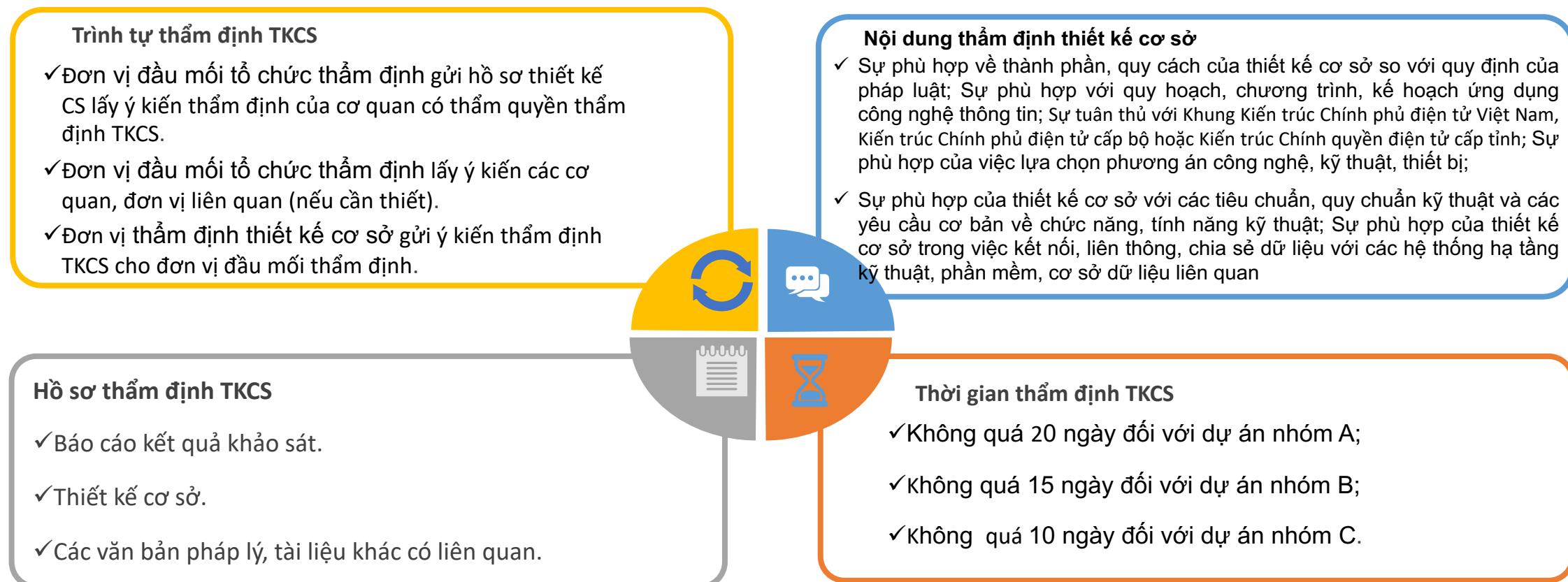
Đơn vị chuyên môn về công nghệ thông tin trực thuộc người có thẩm quyền quyết định đầu tư thẩm định thiết kế cơ sở/TKCT, trừ các dự án có thiết kế cơ sở thuộc thẩm quyền thẩm định của Bộ Thông tin và Truyền thông

##### Trường hợp đơn vị thẩm định thiết kế cơ sở đồng thời là chủ đầu tư

Đơn vị thẩm định thiết kế cơ sở thành lập hội đồng thẩm định để thẩm định thiết kế cơ sở hoặc người có thẩm quyền quyết định đầu tư giao cho đơn vị chuyên môn khác thẩm định thiết kế cơ sở

### 3.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (chuẩn bị đầu tư)

- **Trình tự, hồ sơ, thời gian, nội dung thẩm định thiết kế cơ sở**



### 3.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (chuẩn bị đầu tư)

#### Điều chỉnh dự án đầu tư ứng dụng CNTT



Khi điều chỉnh hoặc dừng chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền



Khi điều chỉnh quy hoạch ảnh hưởng trực tiếp tới dự án



Do nguyên nhân bất khả kháng làm thay đổi về mục tiêu, quy mô đầu tư, chi phí và thời gian thực hiện dự án.



Do ảnh hưởng của sự cố thiên tai, hỏa hoạn hoặc yếu tố bất khả kháng khác khi đã hết thời gian bảo hiểm của dự án



Xuất hiện các yếu tố mang lại hiệu quả cao hơn về tài chính, kinh tế - xã hội do việc điều chỉnh dự án mang lại và được cơ quan có thẩm quyền thẩm định



Khi chỉ số giá trong thời gian thực hiện dự án lớn hơn chỉ số giá được sử dụng để tính dự phòng trượt giá trong tổng mức đầu tư dự án được cấp có thẩm quyền quyết định

### 3.2. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN CNTT (thực hiện đầu tư)

---



### **3.2. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN CNTT (thực hiện đầu tư)**

#### **Thực hiện đầu tư**

- ✓ Thực hiện việc khảo sát bổ sung (nếu cần thiết).
- ✓ Thỏa thuận sử dụng tài sản, tài nguyên số quốc gia (nếu yêu cầu phải có thỏa thuận về sử dụng tài sản, tài nguyên số theo quy định của pháp luật có liên quan).
- ✓ Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế chi tiết, trừ trường hợp dự án thực hiện lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật.
- ✓ Tổ chức lựa chọn nhà thầu và thực hiện các hợp đồng.
- ✓ Kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện các hợp đồng.
- ✓ Quản lý thực hiện dự án.
- ✓ Kiểm thử hoặc vận hành thử.
- ✓ Bàn giao sản phẩm, hạng mục công việc của dự án.
- ✓ Đào tạo hướng dẫn sử dụng, triển khai, hỗ trợ, quản trị, vận hành và khai thác.
- ✓ Nghiệm thu, bàn giao dự án.
- ✓ Lập hồ sơ hoàn thành, lưu trữ hồ sơ của dự án theo quy định.

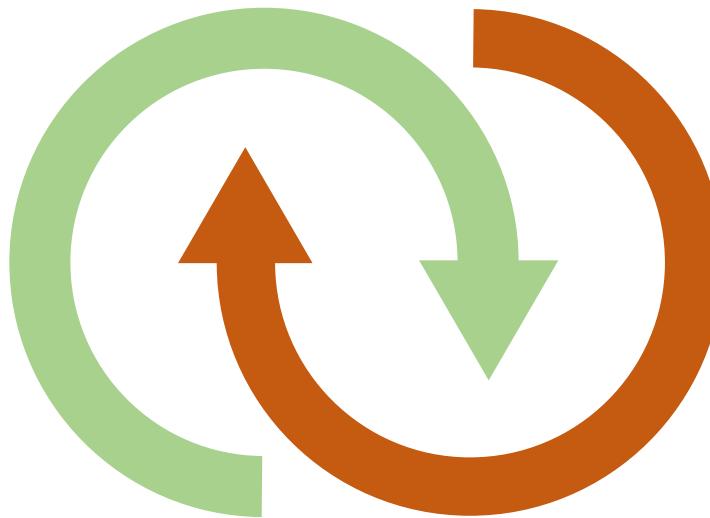
## 3.2. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN CNTT (thực hiện đầu tư)

### Tổ chức quản lý, thực hiện dự án

#### Các hình thức quản lý dự án

##### 1. Trực tiếp quản lý dự án

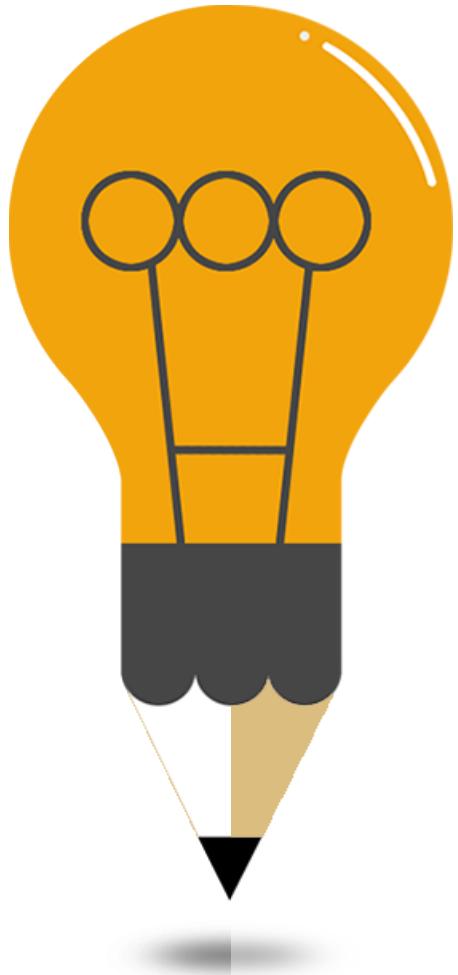
- Thành lập Ban quản lý dự án: dự án trên 15 tỷ phải thành lập BQLDA.
  - Không bắt buộc thành lập BQLDA: Dự án từ 15 tỷ trở xuống có thể sử dụng bộ máy chuyên môn của CĐT để quản lý dự án
  - Nhiệm vụ, quyền hạn của BQLDA
- ##### 2. Thuê tổ chức tư vấn quản lý dự án
- NĐ 73 bỏ quy định cứng về điều kiện năng lực của tổ chức tư vấn QLDA
  - Nhiệm vụ quyền hạn của tư vấn QLDA



#### Nội dung công việc quản lý DA

- ✓ Thực hiện các thủ tục và các công việc phục vụ triển khai dự án.
- ✓ Tổ chức lập, chuẩn bị hồ sơ thiết kế chi tiết.
- ✓ Tổ chức đấu thầu theo hồ sơ, trình tự, thủ tục của pháp luật đấu thầu
- ✓ Quản lý chất lượng, chi phí dự án
- ✓ Triển khai và giám sát triển khai
- ✓ Nghiệm thu, bàn giao sản phẩm dự án
- ✓ Thanh, quyết toán, thanh lý các hợp đồng
- ✓ Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành
- ✓ Thực hiện công việc khác

### 3.2. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN CNTT (thực hiện đầu tư)



#### Khảo sát bổ sung

01

**Chủ đầu tư quyết định việc khảo sát bổ sung**

02

**Lập nhiệm vụ khảo sát bổ sung**

03

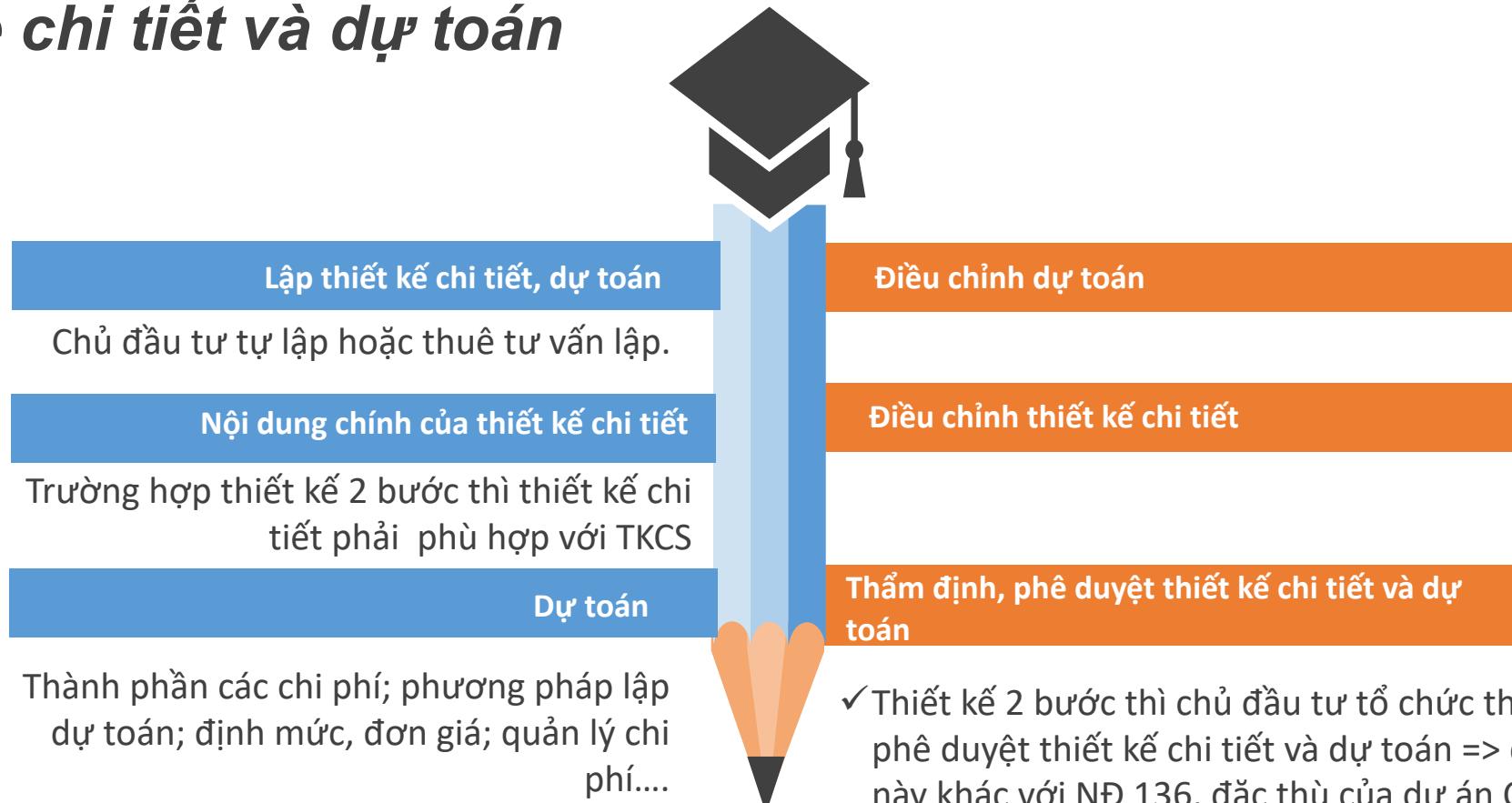
**Thực hiện khảo sát bổ sung, báo cáo KS  
bổ sung**

04

**Nghiệm thu kết quả khảo sát bổ sung**

### 3.2. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN CNTT (thực hiện đầu tư)

#### *Thiết kế chi tiết và dự toán*



## 3.2. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN CNTT (thực hiện đầu tư)

### Đấu thầu lựa chọn nhà thầu

Quy trình, thủ tục, thời gian, thẩm quyền...thực hiện theo pháp luật đấu thầu

### Triển khai

Chủ đầu tư tự thực hiện hoặc thuê nhà thầu triển khai. Bộ TTTT có Thông tư quy định chi tiết

### Giám sát triển khai

- ✓ Phần mềm nội bộ không phải giám sát triển khai => điểm mới so với NĐ 102
- ✓ Xây lắp, lắp đặt hệ thống hạ tầng kỹ thuật, cài đặt phần mềm, hiệu chỉnh vật tư, thiết bị phải thực hiện giám sát triển khai

### Kiểm thử hoặc vận hành thử

- ✓ Sản phẩm của dự án phải được kiểm thử hoặc vận hành thử. Kiểm thử có tự kiểm thử hoặc thuê nhà thầu kiểm thử
- ✓ Chi phí kiểm thử, vận hành thử được tính vào tổng mức đầu tư dự án => điểm mới so với 102

### Nghiệm thu, bàn giao sản phẩm của dự án

Sản phẩm sau khi kiểm thử, vận hành thử đạt yêu cầu chất lượng thì được nghiệm thu, bàn giao

### Lập, lưu trữ hồ sơ hoàn thành

Hồ sơ hoàn thành phải được CĐT lập đầy đủ trước khi đưa sản phẩm dự án vào khai thác, sử dụng

### **3.3. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN CNTT (kết thúc đầu tư)**

---

**GIAI  
ĐOẠN  
KẾT THÚC  
ĐẦU TƯ**



### 3.3. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN CNTT (kết thúc đầu tư)



#### 01 Bảo hành sản phẩm dự án

- ✓ Thời hạn bảo hành.
- ✓ Mức tiền bảo hành (bảo lãnh bảo hành)
- ✓ Trách nhiệm của các bên về bảo hành

#### 02 Thanh toán, quyết toán dự án

Thực hiện theo Thông tư của Bộ Tài chính.

#### 03 Xử lý tài sản dự án khi DA kết thúc

Tài sản là kết quả của dự án và tài sản phục vụ hoạt động của dự án được xử lý theo quy định.

#### 04 Bảo trì sản phẩm dự án

- ✓ Sản phẩm của dự án phải được bảo trì.
- ✓ Kinh phí bảo trì lấy từ nguồn kinh phí chi thường xuyên thuộc NSNN

### 3.4. Dự án thuê dịch vụ CNTT

---

*Hiện tại, Nghị định 40/2020/NĐ-CP đã bỏ quy định dự án thuê dịch vụ CNTT sử dụng vốn đầu tư công nên đề nghị các địa phương không triển khai thuê dịch vụ theo hình thức dự án thuê sử dụng vốn ĐTC.*

### 3.5. DỰ ÁN ỨNG DỤNG CNTT THÍ ĐIỂM

Ngoài 2 loại dự án đầu tư và dự án thuê đã trình bày phía trên, Nghị định 73 còn quy định loại dự án thử nghiệm.

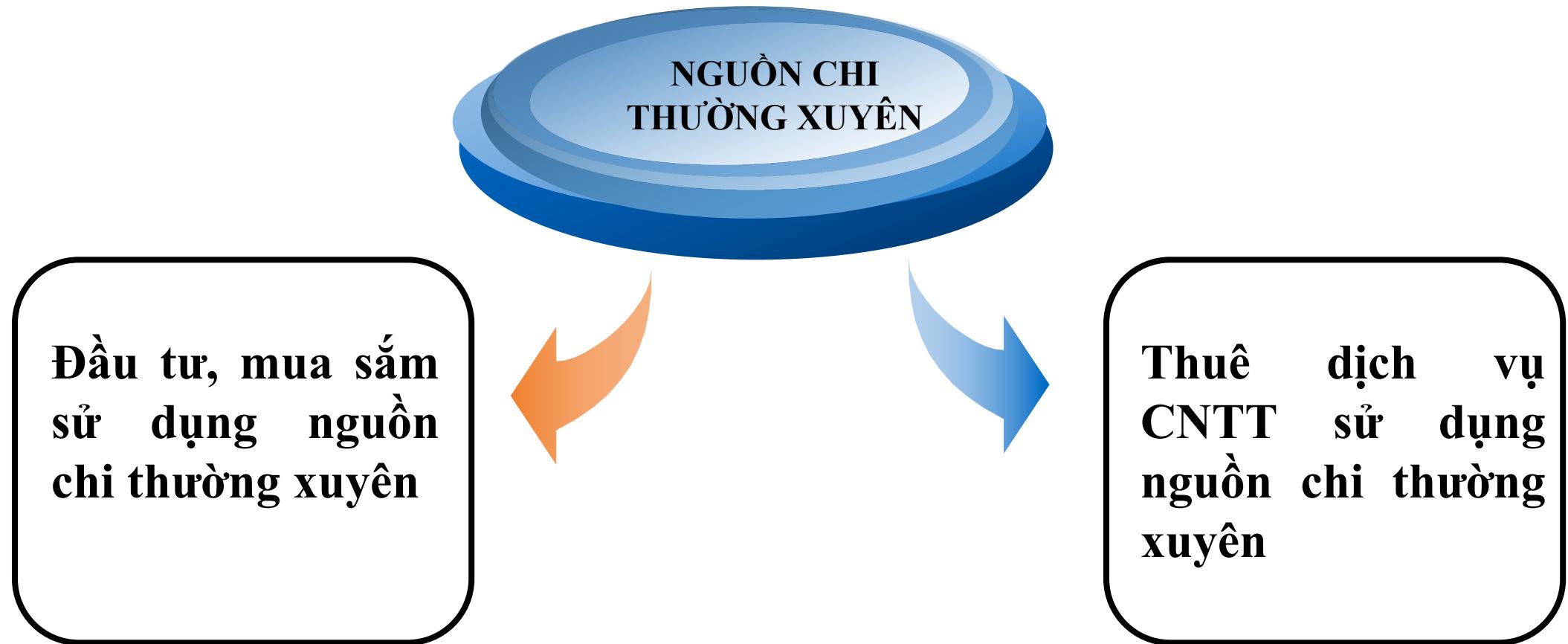
Đây là quy định rất mới của Nghị định 73 giúp giải quyết các vấn đề mới, khó xác định đầu bài ngay từ đầu trong xây dựng CPĐT hiện nay.

Trường hợp dự án có sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin chưa sẵn có trên thị trường, nếu cần thiết, chủ đầu tư xem xét, báo cáo cấp có thẩm quyền để lựa chọn các tổ chức, cá nhân nghiên cứu, đề xuất giải pháp, phương án kỹ thuật, công nghệ; xây dựng, thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ. Các tổ chức, cá nhân nói trên chịu mọi chi phí phát sinh (nếu có). Sau khi thử nghiệm thành công, xác định được giải pháp kỹ thuật, công nghệ, chi phí, chủ đầu tư tiến hành các thủ tục đầu tư theo quy định

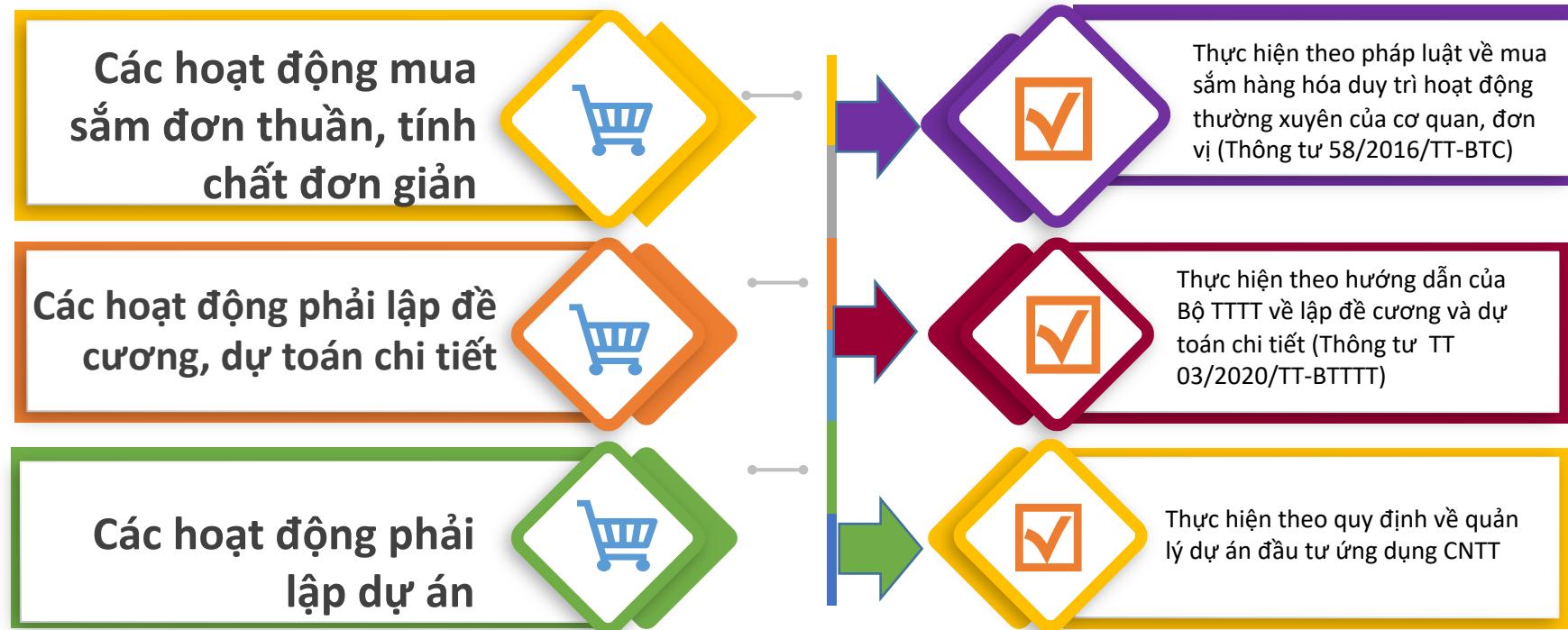


## **4. CÁC HOẠT ĐỘNG ỨNG DUNG CNTT SỬ DỤNG VỐN CHI THƯỜNG XUYÊN**

## 4. HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CNTT SỬ DỤNG NGUỒN CHI THƯỜNG XUYÊN



## 4.1. Hoạt động đầu tư, mua sắm sử dụng nguồn chi thường xuyên



## 4.1 Hoạt động đầu tư, mua sắm sử dụng nguồn chi thường xuyên

Mua sắm dự phòng, thay thế các thiết bị phần cứng thuộc hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện có

Mua sắm thiết bị không cần lắp đặt, phần mềm thương mại; bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm; quản lý vận hành, thuê quản trị, hỗ trợ kỹ thuật hệ thống thông tin, dịch vụ an ninh mạng, an toàn thông tin

Tạo lập, duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu; bảo đảm hoạt động cho cổng/trang thông tin điện tử



Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin có mức kinh phí từ 200 triệu đồng trở xuống để thiết lập mới, mở rộng hoặc nâng cấp cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu

Các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên để khắc phục ngay hoặc xử lý kịp thời hậu quả gây ra do sự cố thiên tai, hỏa hoạn hoặc thực thi nhiệm vụ giải quyết sự cố theo yêu cầu của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc yêu cầu nghiệp vụ quy định tại văn bản quy phạm pháp luật

**Các hoạt động này thực hiện theo quy trình, thủ tục  
đơn giản (TT 58/2016/TT-BTC)**



## 4.1 Hoạt động đầu tư, mua sắm ứng dụng CNTT sử dụng nguồn chi thường xuyên

Các hoạt động phải lập đề cương, dự toán chi tiết

Hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên có mức kinh phí trên 200 triệu đồng đến 15 tỷ đồng để thiết lập mới, mở rộng hoặc nâng cấp cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu

Thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 03/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng CNTT sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn NSNN

## 4.1. Hoạt động đầu tư, mua sắm ứng dụng CNTT sử dụng nguồn chi thường xuyên

### Các hoạt động phải lập dự án

#### Phạm vi hoạt động phải lập dự án



- ✓ Mức kinh phí trên 15 tỷ đồng để thiết lập mới, mở rộng hoặc nâng cấp cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu.

#### Các nội dung thực hiện theo dự án đầu tư ứng dụng CNTT



- ✓ Phân loại dự án
- ✓ Trình tự, thủ tục đầu tư dự án
- ✓ Thẩm quyền thẩm định thiết kế (TKCS, TKCT)
- ✓ Quản lý chi phí, quản lý chất lượng

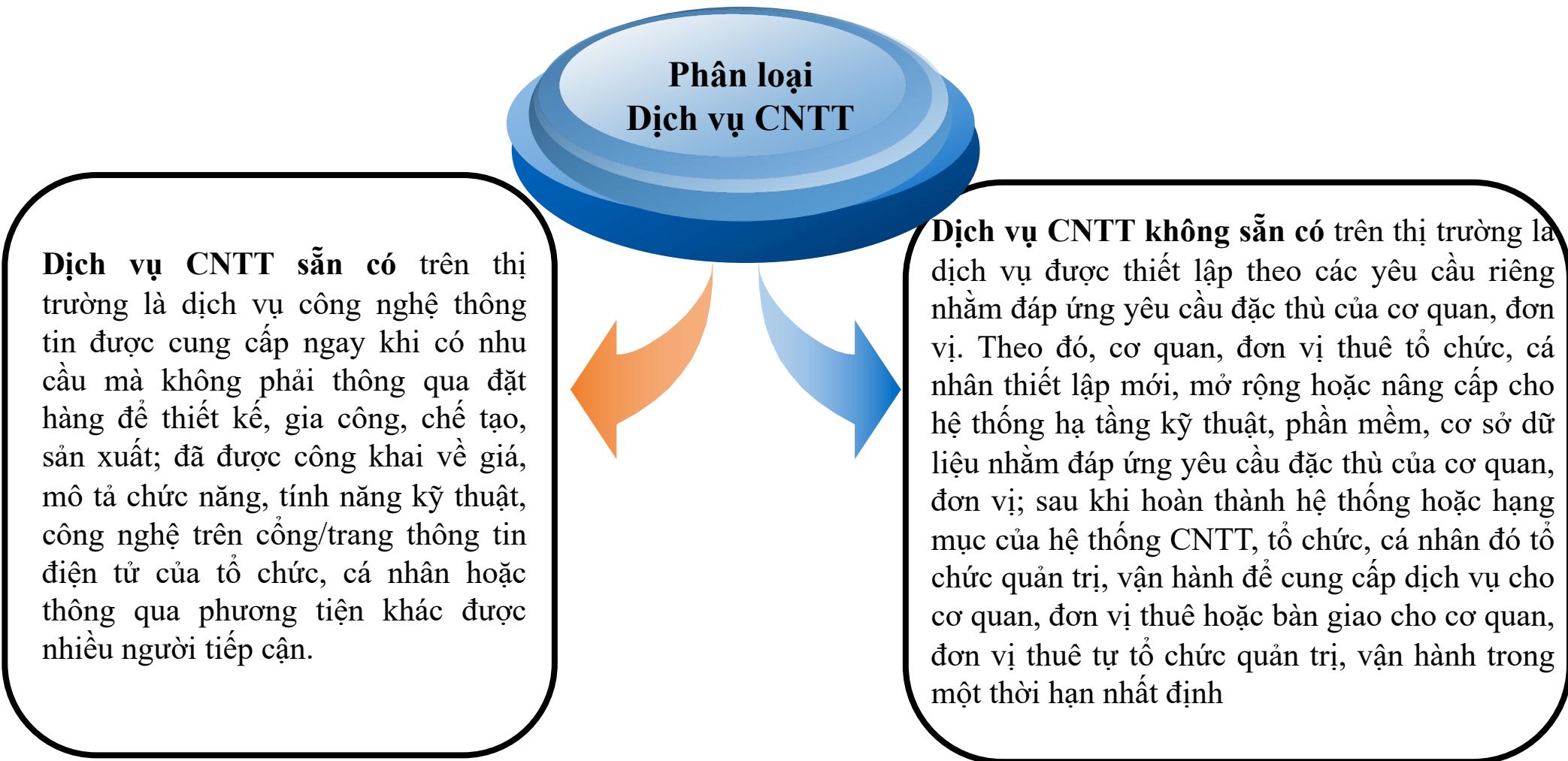
#### Các nội dung thực hiện theo pháp luật NSNN



- ✓ Chủ trương thực hiện
- ✓ Thẩm quyền quyết định đầu tư
- ✓ Xác định chủ đầu tư
- ✓ Đơn vị đầu mối thẩm định dự án là đơn vị trực thuộc người có thẩm quyền quyết định đầu tư.

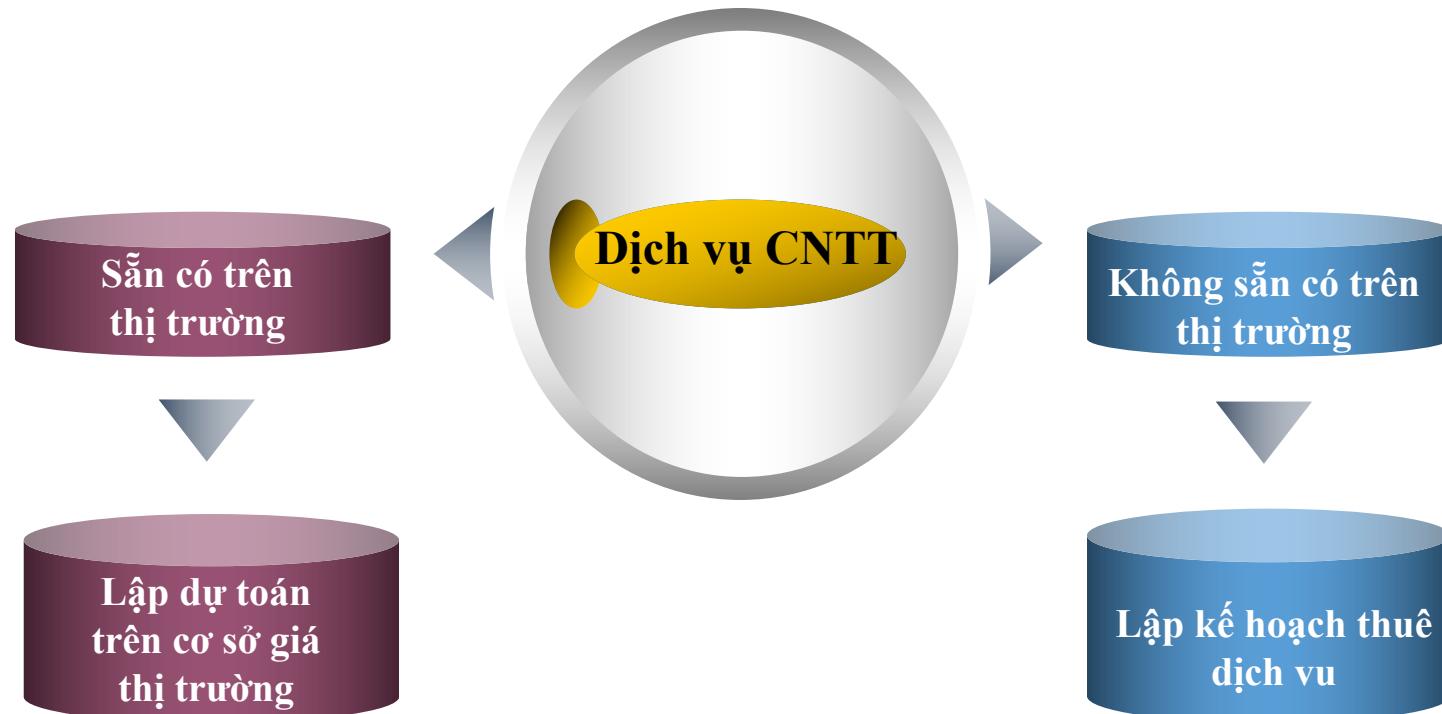


## 4.2. Thuê dịch vụ CNTT sử dụng nguồn chi thường xuyên



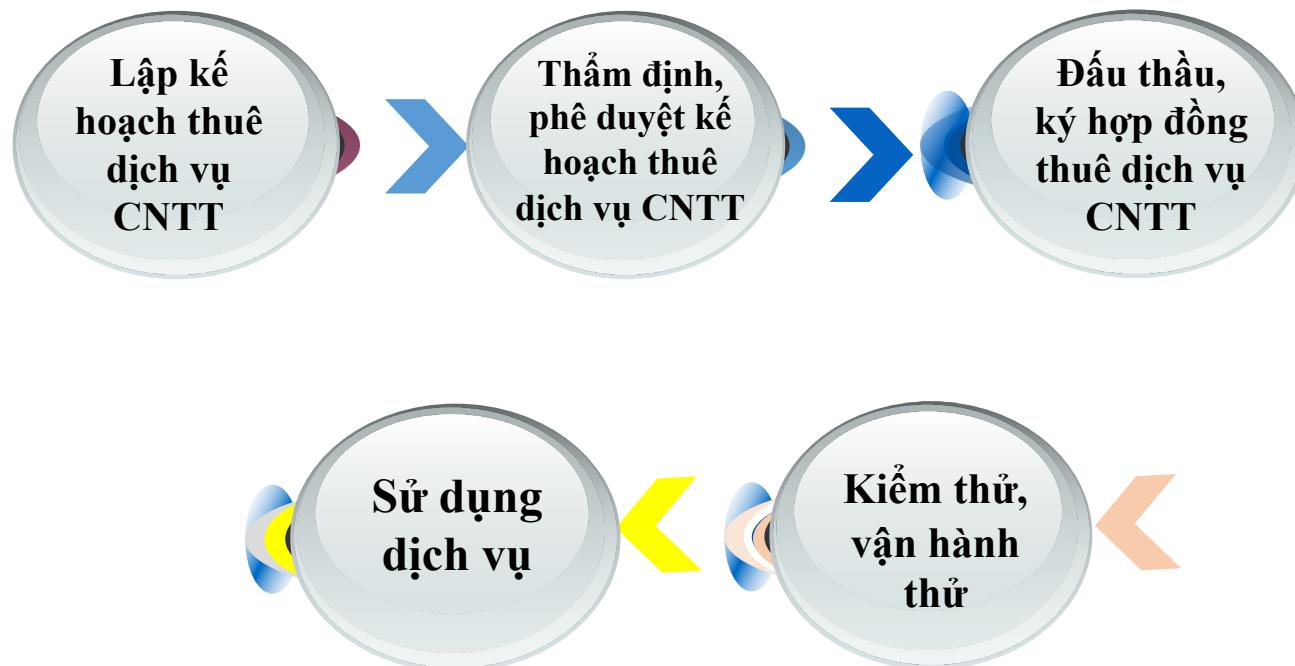
## 4.2. Thuê dịch vụ CNTT sử dụng nguồn chi thường xuyên

### Quy trình thực hiện



## 4.2. Thuê dịch vụ CNTT sử dụng nguồn chi thường xuyên

**Quy trình thực hiện thuê dịch vụ CNTT không sẵn có trên thị trường**



## 4.2. Thuê dịch vụ CNTT sử dụng nguồn chi thường xuyên

### Lập kế hoạch thuê

Chủ trì thuê (đơn vị sử dụng ngân sách được giao nhiệm vụ thuê dịch vụ)

### Thẩm định kế hoạch thuê

Đơn vị chuyên môn trực thuộc cấp có thẩm quyền phê duyệt

### Phê duyệt kế hoạch thuê

Cấp có thẩm quyền (thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên theo quy định)

### Tổ chức lựa chọn, ký kết hợp đồng

Chủ trì thuê tổ chức đấu thầu, ký kết hợp đồng

### Kiểm thử, vận hành thử

Chủ trì thuê tự kiểm thử hoặc thuê tổ chức, cá nhân kiểm thử độc lập

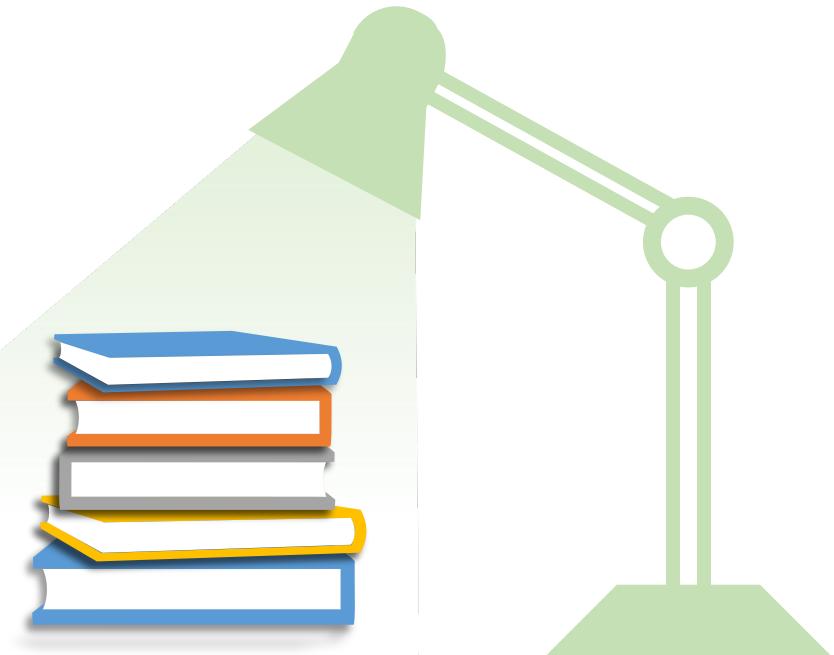
### Sử dụng dịch vụ

Chủ trì thuê sử dụng dịch vụ

## 4.2 Thuê dịch vụ CNTT sử dụng nguồn chi thường xuyên

### Nội dung kế hoạch thuê

- ✓ Hiện trạng, sự cần thiết thuê dịch vụ
- ✓ Các hạng mục chính cần thuê; mục tiêu, nội dung và quy mô, phạm vi, địa điểm và cơ quan, đơn vị sử dụng dịch vụ.;
- ✓ Xác định yêu cầu về chất lượng dịch vụ công nghệ thông tin; yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ để đáp ứng yêu cầu chất lượng dịch vụ; yêu cầu, điều kiện về khả năng kết nối, liên thông với ứng dụng, hệ thống thông tin khác; mô tả yêu cầu cần đáp ứng của phần mềm nội bộ; yêu cầu về an toàn bảo mật thông tin, dữ liệu và các yêu cầu khác;
- ✓ Thời gian thuê và tiến độ, thời gian xây dựng, phát triển, hình thành dịch;
- ✓ Yêu cầu về các phát sinh trong quá trình khai thác, sử dụng dịch vụ;
- ✓ Dự toán thuê dịch vụ .



## 4.2. Thuê dịch vụ CNTT sử dụng nguồn chi thường xuyên

Dự toán thuê dịch vụ

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Phương pháp xác định
I	Chi phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin	Gct	Phương pháp so sánh; phương pháp chuyên gia; phương pháp lấy báo giá thị trường; phương pháp tính chi phí; kết hợp các phương pháp
II	Chi phí quản lý	Gql	
III	Chi phí tư vấn	Gtv	Lập dự toán hoặc theo định mức chi phí theo tỷ lệ.
IV	Chi phí khác	Gck	
V	Chi phí dự phòng	Gdp	Dự phòng cho khối lượng phát sinh.
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><math>G = Gct + Gql + Gtv + Gck + Gdp</math></b>	

## 4.2. Thuê dịch vụ CNTT sử dụng nguồn chi thường xuyên

### Trình tự, hồ sơ, thời gian, nội dung thẩm định kế hoạch thuê

#### Trình tự thẩm định kế hoạch thuê

- ✓ Đơn vị đầu mối tổ chức thẩm định kế hoạch thuê.
- ✓ Đơn vị đầu mối tổ chức thẩm định lấy ý kiến đơn vị có chuyên môn về CNTT.

#### Nội dung thẩm định kế hoạch thuê

- ✓ Sự phù hợp của các nội dung trong kế hoạch thuê theo quy định
- ✓ Tính đầy đủ, hợp lý và phù hợp với yêu cầu thực tế của các khoản mục chi phí trong dự toán thuê dịch vụ

#### Hồ sơ trình thẩm định kế hoạch thuê

- ✓ Tờ trình thẩm định kế hoạch thuê theo mẫu.
- ✓ Kế hoạch thuê.
- ✓ Các văn bản khác có liên quan.

#### Thời gian thẩm định kế hoạch thuê

- ✓ Không quá 30 ngày kể từ ngày từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không bao gồm thời gian bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ)

## 4.2. Thuê dịch vụ CNTT sử dụng nguồn chi thường xuyên

### Các trường hợp điều chỉnh kế hoạch thuê



Yêu cầu phát sinh về chất lượng, số lượng dịch vụ cần thuê, thay đổi thời gian thuê làm tăng hoặc giảm chi phí



Yếu tố mang lại hiệu quả cao hơn



Yếu tố bất khả kháng



Chương trình, kế hoạch ứng dụng CNTT điều chỉnh có ảnh hưởng trực tiếp tới phạm vi, nội dung, quy mô, mục tiêu của kế hoạch thuê.

### Thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch thuê

Chủ trì thuê

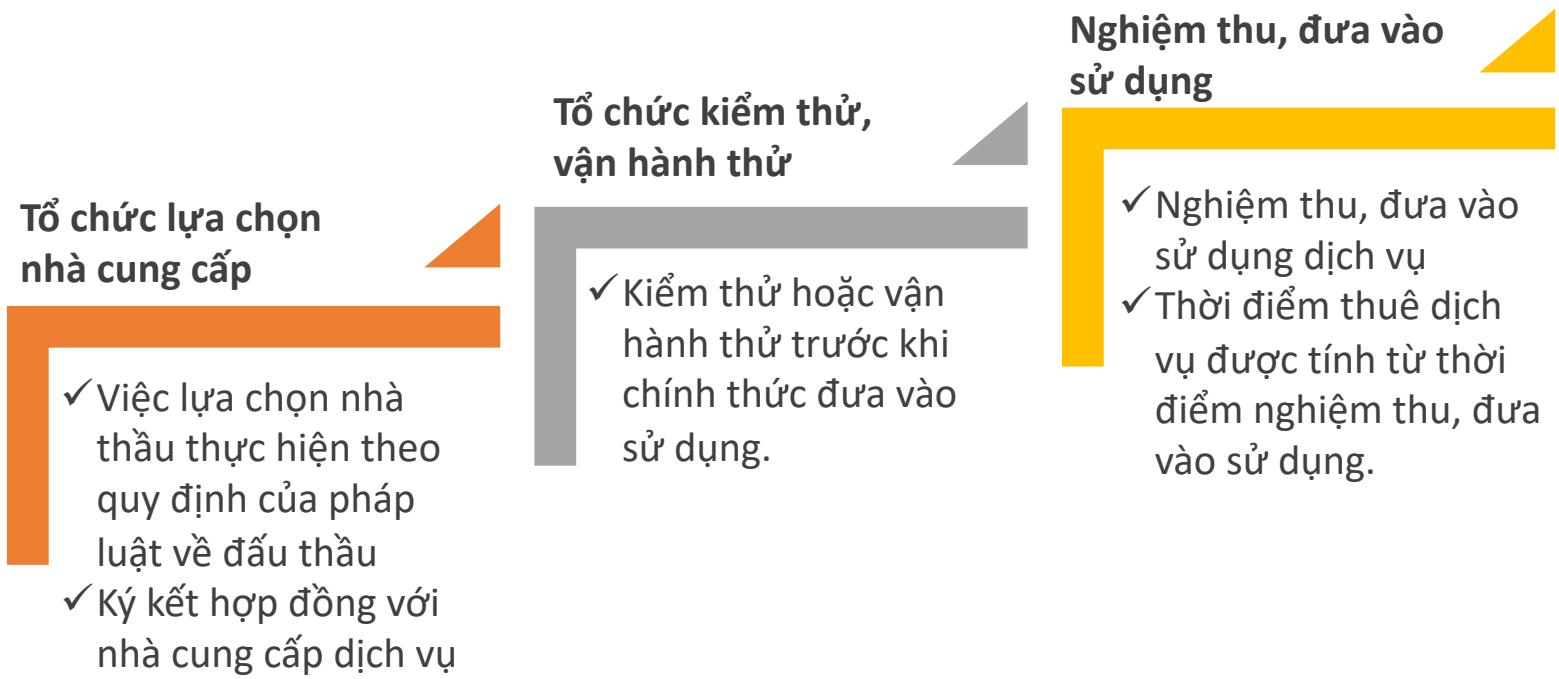
Cấp có thẩm quyền

- ✓ Điều chỉnh không làm thay đổi mục tiêu, quy mô; không vượt dự toán đã được phê duyệt.

- ✓ Điều chỉnh làm thay đổi mục tiêu, quy mô hoặc vượt dự toán đã được phê duyệt.

## 4.2. Thuê dịch vụ CNTT sử dụng nguồn chi thường xuyên

### • Triển khai kế hoạch thuê dịch vụ được duyệt





## **5. GIỚI THIỆU CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN NGHỊ ĐỊNH**

## 5. GIỚI THIỆU CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN NGHỊ ĐỊNH 73/2019/NĐ-CP

### 06 Thông tư:

1	Thông tư quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước.	Khoản 2 Điều 51	Thông tư 21/2010/TT-BTTTT	Thông tư 03/2020/TT-BTTTT
2	Thông tư quy định về lập và quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin.	Khoản 3 Điều 28	Thông tư 06/2011/TT-BTTTT	Thông tư 04/2020/TT-BTTTT
3	Thông tư hướng dẫn phương pháp tính chi phí thuê dịch vụ CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Điểm c K2 Điều 47 Điểm c K2 Điều 55	Công văn số 3575/BTTTT-THH	Thông tư 12/2020/TT-BTTTT
4	Thông tư quy định về công tác triển khai, giám sát triển khai và nghiêm thu dự án đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.	Khoản 5 Điều 32	Thông tư 28/2010/TT-BTTTT	Thông tư số 24/2020/TT-BTTTT
5	Thông tư quy định các nội dung đặc thù của hợp đồng thuê dịch vụ CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.	Khoản 1 Điều 49	Công văn 2455A/BTTTT-THH	Thông tư số 23/2020/TT-BTTTT
6	Thông tư hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư ứng dụng CNTT.	Khoản 4 Điều 28		Thông tư (đang xin ý kiến lần 3 của các bộ, tỉnh)

## 5. GIỚI THIỆU CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN NGHỊ ĐỊNH 73/2019/NĐ-CP

1	Văn bản hướng dẫn xác định chi phí phát triển, nâng cấp phần mềm nội bộ.	Công văn số 2589/BTTTT-UDCNTT	<i>Đã xây dựng dự thảo văn bản thay thế, đang trình LĐ Bộ xem xét phê duyệt</i>
2	Văn bản hướng dẫn xác định chi phí kiểm thử	Công văn số 3787/BTTTT-THH	<i>Đã xây dựng dự thảo văn bản thay thế, đang trình LĐ Bộ xem xét phê duyệt</i>
3	Định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Quyết định số 2378/QĐ-BTTTT ngày 30/12/2016	Quyết định 1688/QĐ-BTTTT
4	Định mức điều tra, khảo sát để lập dự án, thiết kế UDCNTT.	Công văn số 195/BTTTT-UDCNTT	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông
5	Định mức lắp đặt phần cứng và cài đặt phần mềm trong ứng dụng CNTT.	QĐ1601/QĐ-BTTTT ngày 03/10/2011- QĐ 1235/QĐ-BTTTT ngày 04/9/2014	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông
6	Định mức tạo lập cơ sở dữ liệu trong hoạt động ứng dụng CNTT.	Quyết định số 1595/QĐ-BTTTT ngày 03/10/2011	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông
7	Định mức kinh tế - kỹ thuật triển khai áp dụng phần mềm nguồn mở.	Quyết định số 1872/QĐ-BTTTT ngày 14/11/2018	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông
8	Định mức kinh tế - kỹ thuật trong hoạt động chuyển giao ứng dụng CNTT.	Quyết định số 2331/QĐ-BTTTT ngày 15/12/2017	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông
9	Đơn giá lắp đặt phần cứng và cài đặt phần mềm trong ứng dụng công nghệ thông tin.	CV 2519/BTTTT-KHTC ngày 04/9/2014	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông

## 5. CÁC VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH

<b>THÔNG TƯ 03/2020/TT- BTTT</b>	<b>THÔNG TƯ 04/2020/TT- BTTT</b>	<b>THÔNG TƯ 12/2020/TT- BTTT</b>	<b>THÔNG TƯ 23/2020/TT- BTTT</b>	<b>THÔNG TƯ 23/2020/TT- BTTT</b>	<b>QUYẾT ĐỊNH 1688/QĐ-BTTT</b>
Thông tư quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết hoạt động ứng dụng CNTT sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn NSNN	Thông tư quy định về lập và quản lý chi phí đầu tư ứng dụng CNTT	Hướng dẫn phương pháp tính chi phí thuê dịch vụ CNTT	Quy định các nội dung đặc thù của hợp đồng thuê dịch vụ CNTT	Quy định công tác triển khai, giám sát triển khai và nghiệm thu dự án đầu tư ứng dụng CNTT	Sửa đổi, bổ sung Quyết định 2378/QĐ-BTTT về định mức chi phí quản lý, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng CNTT

## 5. CÁC VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH

---

### Thông tư 03/2020/TT-BTTTT quy định về lập đề cương, dự toán chi tiết

C  
01

#### Phạm vi hoạt động ƯDCNTT phải lập đề cương dự toán chi tiết

Đồng bộ theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 Nghị định 73: *Hoạt động sử dụng kinh phí chi thường xuyên có mức kinh phí trên 200tr đến 15 tỷ để thiết lập mới, mở rộng hoặc nâng cấp cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, CSDL.*

C  
02

#### Thẩm quyền phê duyệt đề cương, dự toán chi tiết

Đồng bộ với thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị (Thông tư 58/2016/TT-BTC)

C  
03

#### Thẩm quyền thẩm định đề cương, dự toán chi tiết

Đề cương và dự toán chi tiết phải được thẩm định về mặt chuyên môn (giải pháp, phương án kỹ thuật, công nghệ) của đơn vị chuyên môn về CNTT trực thuộc người có thẩm quyền phê duyệt

## 5. CÁC VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH

---

**Thông tư 04/2020/TT-BTTTT quy định về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư ứng dụng CNTT**

### 1. Bổ sung hướng dẫn xác định một số khoản mục chi phí phù hợp với NĐ 73/2019/NĐ-CP.

- *Chi phí vận chuyển, bảo hiểm thiết bị (nếu có);*
- *Chi phí triển khai, hỗ trợ, quản trị, vận hành sản phẩm hoặc hạng mục công việc của dự án trước khi nghiệm thu bàn giao (nếu có);*
- *Trường hợp dự án được triển khai trên phạm vi nhiều địa điểm khác nhau hoặc ở nước ngoài, được tính thêm chi phí di chuyển thiết bị và lực lượng lao động.*

## 5. CÁC VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH

---

### Thông tư 04/2020/TT-BTTTT (tiếp)

#### 1. Bổ sung hướng dẫn xác định một số khoản mục chi phí phù hợp với nghị định 73/2019/NĐ-CP (tiếp)

##### - Trong giai đoạn lập tổng mức đầu tư

- Chi phí vận chuyển, bảo hiểm thiết bị (nếu có) có thể **ước tính** theo các dự án tương tự đã hoặc đang triển khai hoặc **theo kinh nghiệm chuyên gia** hoặc **lấy báo giá** hoặc **lập dự toán**;
- Chi phí triển khai, hỗ trợ, quản trị, vận hành sản phẩm hoặc hạng mục công việc của dự án trước khi nghiệm thu bàn giao (nếu có) có thể **ước tính** theo các dự án tương tự đã hoặc đang triển khai hoặc **theo kinh nghiệm chuyên gia** hoặc **lấy báo giá** hoặc **được xác định theo hướng dẫn tại Phụ lục 05** ban hành kèm theo Thông tư này;
- Trường hợp dự án được triển khai trên phạm vi nhiều địa điểm khác nhau hoặc ở nước ngoài, được tính thêm chi phí di chuyển thiết bị và lực lượng lao động. Chi phí di chuyển thiết bị và lực lượng lao động được tính trên cơ sở **định mức** theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành hoặc bằng cách **lập dự toán** hoặc có thể **ước tính** theo các dự án tương tự đã hoặc đang triển khai hoặc **theo kinh nghiệm chuyên gia** hoặc **lấy báo giá**;

## **5. CÁC VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH**

---

### **Thông tư 04/2020/TT-BTTTT (tiếp)**

#### **1. Bổ sung hướng dẫn xác định một số khoản mục chi phí phù hợp với Nghị định 73/2019/NĐ-CP (tiếp)**

##### **- Trong giai đoạn lập dự toán**

- *Chi phí vận chuyển, bảo hiểm thiết bị (nếu có) được xác định bằng cách lập dự toán;*
- *Chi phí triển khai, hỗ trợ, quản trị, vận hành sản phẩm hoặc hạng mục công việc của dự án trước khi nghiệm thu bàn giao (nếu có) được xác định bằng cách lập dự toán;*
- *Trường hợp dự án được triển khai trên phạm vi nhiều địa điểm khác nhau hoặc ở nước ngoài, được tính thêm chi phí di chuyển thiết bị và lực lượng lao động. Chi phí di chuyển thiết bị và lực lượng lao động được tính trên cơ sở định mức theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành hoặc bằng cách lập dự toán.”*

## 5. CÁC VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH

---

### Thông tư 04/2020/TT-BTTTT (tiếp)

2. Bổ sung một số hướng dẫn xác định chi phí xây lắp, chi phí thiết bị trong giai đoạn lập Tổng mức đầu tư.

#### - Xác định chi phí xây lắp

- Chi phí xây lắp được xác định trên cơ sở khối lượng và đơn giá xây lắp.
- Khối lượng các công tác xây lắp chủ yếu từ thiết kế cơ sở, các khối lượng khác dự tính và giá vật tư, thiết bị, dịch vụ phù hợp trên thị trường. Trong trường hợp chưa xác định được cụ thể khối lượng công tác xây lắp có thể dự tính khối lượng đưa vào tổng mức đầu tư. Chi phí xây lắp được xác định theo hướng dẫn tại Phụ lục số 03 của Thông tư này.
- Trường hợp chưa xác định được cụ thể khối lượng, chưa dự tính khối lượng thì có thể ước tính giá trị một số hạng mục để đưa vào tổng mức đầu tư.

## 5. CÁC VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH

---

### Thông tư 04/2020/TT-BTTTT (tiếp)

2. Bổ sung thêm một số hướng dẫn xác định chi phí xây lắp, chi phí thiết bị trong giai đoạn lập Tổng mức đầu tư (tiếp). Cụ thể

- **Xác định chi phí thiết bị**
  - Chi phí mua sắm thiết bị công nghệ thông tin:
    - Thiết bị phải lắp đặt và cài đặt, thiết bị không phải lắp đặt và cài đặt, các thiết bị phụ trợ và thiết bị ngoại vi, phần mềm thương mại và các thiết bị khác: được tính theo số lượng, chủng loại thiết bị phù hợp với giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin, giá thiết bị trên thị trường và các yếu tố khác liên quan. Trong trường hợp dự án có các hạng mục hoặc toàn bộ thiết bị tương tự như các dự án đã hoặc đang triển khai thì được dự tính theo giá thiết bị trong dự án đó.
    - Chi phí xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng phần mềm nội bộ được xác định theo các phương pháp quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị định 73/2019/NĐ-CP. Trong trường hợp xác định bằng phương pháp lấy báo giá, việc xác định chi phí xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng phần mềm nội căn cứ trên giá cung cấp của ít nhất 03 đơn vị cung cấp khác nhau. Chủ đầu tư xác định và yêu cầu tối thiểu 03 tổ chức, cá nhân nghiên cứu, xây dựng báo giá trên cơ sở nội dung mô tả các yêu cầu kỹ thuật cần đáp ứng theo quy định tại Điều 18 Nghị định 73/2019/NĐ-CP và gửi cho chủ đầu tư vào cùng một thời điểm do chủ đầu tư quy định.

## 5. CÁC VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH

---

### Thông tư 04/2020/TT-BTTTT (tiếp)

2. Bổ sung thêm một số hướng dẫn xác định chi phí lắp, chi phí thiết bị trong giai đoạn lập Tổng mức đầu tư (tiếp).

#### - Xác định chi phí thiết bị (tiếp)

- Chi phí lắp đặt thiết bị; cài đặt phần mềm; kiểm tra, hiệu chỉnh thiết bị và phần mềm: có thể ước tính theo các dự án tương tự đã hoặc đang triển khai hoặc theo kinh nghiệm chuyên gia hoặc lấy báo giá hoặc được xác định theo hướng dẫn tại Phụ lục số 03 của ban hành kèm theo Thông tư này.
- Chi phí tạo lập cơ sở dữ liệu; chuẩn hoá và chuyển đổi phục vụ cho nhập dữ liệu; thực hiện nhập dữ liệu cho cơ sở dữ liệu có thể ước tính theo các dự án tương tự đã hoặc đang triển khai hoặc theo kinh nghiệm chuyên gia hoặc lấy báo giá hoặc được xác định theo hướng dẫn tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư này.

## 5. CÁC VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH

---

### Thông tư 04/2020/TT-BTTTT (tiếp)

3. Bổ sung thêm một số hướng dẫn xác định chi phí xây lắp, chi phí thiết bị trong giai đoạn lập Tổng mức đầu tư (tiếp)

- **Xác định chi phí thiết bị (tiếp)**

- Chi phí đào tạo hướng dẫn sử dụng; chi phí đào tạo cho cán bộ quản trị, vận hành hệ thống (nếu có) có thể ước tính theo các dự án tương tự đã hoặc đang triển khai hoặc theo kinh nghiệm chuyên gia hoặc lấy báo giá hoặc được xác định theo hướng dẫn tại Phụ lục số 3, Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này.
- Chi phí triển khai, hỗ trợ, quản trị, vận hành sản phẩm hoặc hạng mục công việc của dự án trước khi nghiệm thu bàn giao (nếu có) có thể ước tính theo các dự án tương tự đã hoặc đang triển khai hoặc theo kinh nghiệm chuyên gia hoặc lấy báo giá hoặc được xác định theo hướng dẫn tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này.

## **5. CÁC VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH**

---

### **Thông tư 04/2020/TT-BTTTT (*tiếp*)**

**3. Bổ sung hướng dẫn các phương pháp xác định đối với Chi phí xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng phần mềm nội bộ (áp dụng cho cả giai đoạn lập tổng mức và lập dự toán) bao gồm:**

- Phương pháp so sánh
- Phương pháp chuyên gia
- Phương pháp tính chi phí
- Phương pháp theo báo giá thị trường
- Phương pháp kết hợp các phương pháp

## 5. CÁC VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH

---

### Thông tư 04/2020/TT-BTTTT (*tiếp*)

#### 4. Hướng dẫn công thức xác định chi phí xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng phần mềm nội bộ

TT	Khoản mục chi phí	Cách tính	Ký hiệu
1	Chi phí sản xuất trực tiếp	G	G
2	Chi phí chung	G x 65%	C
3	Thu nhập chịu thuế tính trước	(G+C) x 6%	TL
4	Chi phí xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng phần mềm nội bộ	G + C + TL	$G_{PM}$
	TỔNG CỘNG	$G_{PM}$	

## 5. CÁC VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH

---

### Thông tư 04/2020/TT-BTTTT (*tiếp*)

#### 5. Hướng dẫn công thức xác định chi phí kiểm thử hoặc vận hành thử

TT	Khoản mục chi phí	Cách tính	Ký hiệu
1	Chi phí trực tiếp kiểm thử hoặc vận hành thử	$G_{KTTT}$	$G_{KTTT}$
2	Chi phí chung	$G_{KTTT} \times 65\%$	C
3	Thu nhập chịu thuế tính trước	$(G_{KTTT} + C) \times 6\%$	TL
4	Chi phí kiểm thử hoặc vận hành thử	$G_{KTTT} + C + TL$	$G_{KTPM}$
	TỔNG CỘNG	$G_{KTPM}$	

## 5. CÁC VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH

---

### Thông tư 04/2020/TT-BTTTT (tiếp)

#### 6. Điều chỉnh công thức xác định chi phí quản lý dự án

- Chi phí quản lý dự án được xác định theo công thức sau:

$$G_{QLDA} = G_{THQLDA} + G_{GSĐGĐT} \quad (1)$$

Trong đó :

- $G_{THQLDA}$ : Các chi phí để tổ chức thực hiện quản lý dự án từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư đến khi hoàn thành, nghiệm thu bàn giao, đưa sản phẩm của dự án vào khai thác sử dụng (gọi chung là chi phí thực hiện quản lý dự án);
- $G_{GSĐGĐT}$  : Chi phí giám sát, đánh giá đầu tư.

## 5. CÁC VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH

---

### Thông tư 04/2020/TT-BTTTT (tiếp)

#### 6. Điều chỉnh công thức xác định chi phí quản lý dự án (tiếp)

- Chi phí thực hiện quản lý dự án được xác định theo công thức sau:

$$G_{THQLDA} = T \times (G_{XLtt} + G_{TBtt}) \quad (2)$$

Trong đó :

- T: định mức chi phí theo tỷ lệ (%) đối với chi phí quản lý dự án theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền Thông;
- $G_{XLtt}$  : chi phí xây lắp trước thuế;
- $G_{TBtt}$  : chi phí thiết bị trước thuế.
- Chi phí giám sát, đánh giá đầu tư được xác định theo quy định của nhà nước về giám sát và đánh giá đầu tư.

## 5. CÁC VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH

### Thông tư 04/2020/TT-BTTTT (tiếp)

**7. Bổ sung hướng dẫn xác định chi phí chung/chi phí quản lý, thu nhập chịu thuế tính trước cho các chi phí được xác định bằng phương pháp lập dự toán**

\* Trong trường hợp lập dự toán xác định chi phí theo khối lượng đơn giá (trường hợp áp dụng các định mức kinh tế - kỹ thuật)

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	Chi phí nhân công (tỷ đồng)		
		NC ≤1	1< NC <5	NC ≥5
1	- Chi phí xây lắp; - Chi phí tạo lập cơ sở dữ liệu; chuẩn hóa, chuyển đổi phục vụ cho nhập dữ liệu; thực hiện nhập dữ liệu cho cơ sở dữ liệu; - Chi phí lắp đặt thiết bị; cài đặt phần mềm; kiểm tra, hiệu chỉnh thiết bị và phần mềm;		65	
2	- Chi phí đào tạo hướng dẫn sử dụng; chi phí đào tạo cho cán bộ quản trị, vận hành hệ thống (nếu có) đối với hạng mục đào tạo có định mức kinh tế - kỹ thuật;	55	50	45

## 5. CÁC VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH

### Thông tư 04/2020/TT-BTTTT (tiếp)

#### 7. Bổ sung hướng dẫn xác định chi phí chung/chi phí quản lý, thu nhập chịu thuế tính trước cho các chi phí được xác định bằng phương pháp lập dự toán (tiếp)

\* Trong trường hợp xác định chi phí bằng phương pháp lập dự toán (không có định mức kinh tế - kỹ thuật)

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	Chi phí chuyên gia trực tiếp (tỷ đồng)		
		Ccg ≤1	1 < Ccg <5	Ccg ≥5
1	- Chi phí triển khai, hỗ trợ, quản trị, vận hành sản phẩm hoặc hạng mục công việc của dự án trước khi nghiệm thu bàn giao (nếu có).		65	
2	Chi phí đào tạo hướng dẫn sử dụng; chi phí đào tạo cho cán bộ quản trị, vận hành hệ thống (nếu có) (đối với hạng mục đào tạo chưa ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật) - Chi phí quản lý dự án - Chi phí tư vấn đầu tư - Chi phí khác	55	50	45

## 5. CÁC VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH

---

### Thông tư 04/2020/TT-BTTTT (tiếp)

#### 8. Bổ sung hướng dẫn xác định dự toán điều chỉnh do yếu tố thay đổi khối lượng

"1.1. Phân chi phí xây lắp điều chỉnh do thay đổi khối lượng ( $G^{PDC}_{XLm}$ ) được xác định theo công thức:/

$$G^{PDC}_{XLm} = \sum_{i=1}^n Q_i \times D_i$$

Trong đó:

- $Q_i$ : khối lượng công tác xây lắp thay đổi (tăng, giảm, phát sinh);
- $D_i$ : đơn giá xây lắp tương ứng với khối lượng công tác xây lắp thay đổi tại thời điểm điều chỉnh,

## 5. CÁC VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH

---

### Thông tư 04/2020/TT-BTTTT (tiếp)

#### 8. Bổ sung hướng dẫn xác định dự toán điều chỉnh do yếu tố thay đổi khối lượng (tiếp)

1.2. Phần chi phí thiết bị điều chỉnh cho yếu tố thay đổi khối lượng ( $G^{PDC}_{TBm}$ ) được xác định theo công thức:

$$G^{PDC}_{TBm} = \sum_{j=1}^m Q_j \times D_j$$

Trong đó:

- $Q_j$ : khối lượng loại thiết bị thay đổi (tăng, giảm, phát sinh);
- $D_j$ : đơn giá thiết bị tương ứng với khối lượng thiết bị thay đổi tại thời điểm điều chỉnh."

## **5. CÁC VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH**

---

**Quyết định 1688/QĐ-BTTTT sửa đổi, bổ sung Quyết định 2378/QĐ-BTTTT về định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn**

### **1. Những nội dung bổ sung**

- Hướng dẫn chung: Bổ sung công thức chung tính chi phí quản lý dự án và tư vấn
- Bổ sung Hướng dẫn cụ thể phương pháp tính với từng bước như lập kế hoạch thuê, quản lý kế hoạch thuê, giám sát Trường hợp thuê dịch vụ CNTT
- Bổ sung hướng dẫn xác định các chi phí tư vấn, quản lý trong hoạt động lập Đề cương dự toán chi tiết
- Bổ sung cách tính Chi phí Quản lý dự án; Chi phí Thiết kế thi công, dự toán; chi phí thẩm tra thiết kế thi công, dự toán từng hạng mục trong dự án
- Bổ sung cách tính chi phí giám sát thi công cho từng gói thầu.

## **5. CÁC VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH**

---

### **Quyết định 1688/QĐ-BTTTT (tiếp)**

#### **1. Những nội dung bổ sung (tiếp)**

- Hướng dẫn lập dự toán chi phí tư vấn:
  - Bổ sung Tiền lương chuyên gia là căn cứ để xác định dự toán của chi phí tư vấn cho các loại hợp đồng theo quy định của pháp luật được xác định trên cơ sở mức tiền lương chuyên gia trên thị trường hoặc theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội tương ứng với trình độ chuyên môn, kinh nghiệm của chuyên gia tư vấn.
  - Bổ sung bảng hướng dẫn xác định chi phí Quản lý tính bằng tỉ lệ % nhân với chi phí chuyên gia
- Bổ sung chi phí đi lại ăn ở cho chi phí giám sát thi công bằng cách lập dự toán.
- Bổ sung trường hợp điều chỉnh giảm đối với chi phí giám sát.

## **5. CÁC VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH**

---

### **Quyết định 1688/QĐ-BTTTT (tiếp)**

#### **2. Những nội dung điều chỉnh**

- Chuẩn lại các khái niệm, từ ngữ, nội dung chưa thống nhất trong QĐ 2378/QĐ-BTTTT (hạng mục trong dự án ứng dụng công nghệ thông tin: hạng mục hạ tầng kỹ thuật, hạng mục phần mềm, cơ sở dữ liệu; Giám sát thi công...)
- Điều chỉnh cách tính Chi phí lập Dự án; Chi phí thẩm tra tính hiệu quả và tính khả thi của dự án; Chi phí lập TKTC, dự toán, TDT; Chi phí thẩm tra TKTC, DT, TDT cho phù hợp thực tế triển khai: Các chi phí này được xác định theo định mức tỷ lệ % công bố tại các bảng tương ứng trong Quyết định này nhân với chi phí xây lắp và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong nội dung, giá trị đã phê duyệt trước đó.

## **5. CÁC VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH**

---

### **Quyết định 1688/QĐ-BTTTT (tiếp)**

#### **2. Những nội dung điều chỉnh (tiếp)**

- Điều chỉnh nội dung hướng dẫn trường hợp điều chỉnh giảm của nội dung dự án nâng mua sắm thay thế, dự phòng...đối với chi phí quản lý dự án, tư vấn lập dự án, thiết kế thi công, lập đề cương và dự toán chi tiết
- Điều chỉnh cách xác định Chi phí giám sát thi công:
- Xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (định mức công bố tại Bảng số 9 trong Quyết định này) và nhân với chi phí xây lắp và thiết bị trong dự toán gói thầu tương ứng (không phải chi phí lắp đặt phần cứng, cài đặt phần mềm)

## 5. CÁC VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH

**Thông tư 12/2020/TT-BTTTT ngày 29/5/2020 hướng dẫn phương pháp tính chi phí thuê dịch vụ CNTT sử dụng nguồn vốn NSNN**

*Nội dung cấu thành chi phí thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng gồm:*

STT	Nội dung chi phí	Kí hiệu
1.	Chi phí dịch vụ	$G_{tdv}$
2.	Chi phí quản trị, vận hành dịch vụ (nếu có)	$G_v$
3.	Chi phí bảo trì dịch vụ (nếu có)	$G_{bt}$
4.	Chi phí khác liên quan đến cung cấp dịch vụ (tạo lập CSDL, chuẩn hóa, chuyển đổi phục vụ dữ liệu; thực hiện nhập dữ liệu cho CSDL; đào tạo hướng dẫn sử dụng; lắp đặt và thuê đường truyền; ...)	$G_k$
<b>Chi phí thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng</b>		$G_t = G_{tdv} + G_v + G_{bt} + G_k$

## 5. CÁC VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH

---

### Thông tư 12/2020/TT-BTTTT (tiếp)

*Phương pháp tính chi phí dịch vụ ( $G_{tdv}$ )*

**Chi phí dịch vụ được xác định theo công thức:**

$$G_{tdv} = G_{dv} * n$$

Trong đó:

- $G_{dv}$ : Chi phí dịch vụ theo kỳ thanh toán
- $n$ : Số kỳ thanh toán trong thời gian thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng

## 5. CÁC VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH

### Thông tư 12/2020/TT-BTTTT (tiếp)

#### *Phương pháp tính chi phí dịch vụ ( $G_{tdv}$ ) – tiếp theo*

**Trường hợp 1:** chi phí dịch vụ theo kỳ thanh toán được thanh toán đều nhau vào cuối kỳ, công thức xác định như sau:

$$G_{dv} = \frac{T_d * r * (1+r)^n - S * r}{(1+r)^n - 1} * (1+GTGT)$$

Trong đó:

- $T_d$ : Chi phí xây dựng, phát triển hình thành dịch vụ trước thuế giá trị gia tăng (đồng).
- $r$ : Mức lãi suất cho thuê theo kỳ thanh toán (%).  $r$  được xác định:  $r = N/k$

$N$ : Bình quân lãi suất trung bình của lãi suất huy động tiền gửi Việt Nam đồng của kỳ hạn 01 năm và kỳ hạn tương ứng với số năm thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng (trường hợp không có kỳ hạn tương ứng thì lấy theo kỳ hạn thấp hơn gần nhất với số năm thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng) được niêm yết của 03 ngân hàng thương mại cổ phần trong nước có uy tín của Việt Nam tại thời điểm gần nhất trong vòng 06 tháng trước thời điểm phê duyệt kế hoạch thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng.

$k$ : Số kỳ thanh toán trong một năm thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng.

- $S$ : Giá trị còn lại của tài sản cấu thành dịch vụ của bên cho thuê tại thời điểm kết thúc thời gian thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng sau khi trích khấu hao theo quy định (sử dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng) (đồng).
- $GTGT$ : Thuế giá trị gia tăng.

**Trường hợp 2:** chi phí dịch vụ theo kỳ thanh toán được thanh toán đều nhau vào đầu kỳ, công thức xác định như sau:

$$G_{dv} = \frac{T_d * r * (1+r)^n - S * r}{(1+r) * [(1+r)^n - 1]} * (1+GTGT)$$

## **5. CÁC VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH**

---

### **Thông tư 12/2020/TT-BTTT (tiếp)**

#### **Phương pháp tính chi phí xây dựng, phát triển hình thành dịch vụ (Tđ):**

- Chi phí xây dựng, phát triển hình thành dịch vụ được tính theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin.
- Trường hợp trong kế hoạch thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng dự kiến sử dụng những thiết bị hạ tầng kỹ thuật đã qua sử dụng thì chi phí xây dựng, phát triển hình thành dịch vụ được tính trên phần giá trị còn lại của thiết bị sau khi trích khấu hao theo quy định (sử dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng).

## **5. CÁC VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH**

---

### **Thông tư 12/2020/TT-BTTTT (tiếp)**

#### **1. Phương pháp xác định chi phí quản trị, vận hành dịch vụ ( $G_v$ ) và chi phí khác liên quan đến cung cấp dịch vụ ( $G_k$ ):**

- a) Trên cơ sở giá thị trường bảo đảm phù hợp với nội dung công việc của từng loại chi phí.
- b) Lập dự toán trên cơ sở khối lượng các công việc thực hiện của từng loại chi phí và đơn giá, định mức theo quy định (nếu có) để thực hiện khối lượng công việc đó.

Việc lập dự toán thực hiện theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin.

- c) Kết hợp các phương pháp.

#### **2. Nội dung công việc quản trị, vận hành dịch vụ**

Thực hiện theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông về quản trị, vận hành đối với sản phẩm của dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

## **5. CÁC VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH**

---

### **Thông tư 12/2020/TT-BTTT (tiếp)**

#### **1. Phương pháp xác định chi phí bảo trì dịch vụ ( $G_{bt}$ ) :**

Trên cơ sở báo giá thị trường bảo đảm phù hợp với các yêu cầu cụ thể của cơ quan, tổ chức thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng

#### **2. Nội dung công việc bảo trì dịch vụ**

Thực hiện theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông về bảo trì đối với sản phẩm của dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

## 5. CÁC VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH

---

### Thông tư 24/2020/TT-BTTTT quy định công tác triển khai, giám sát công tác triển khai và nghiệm thu dự án đầu tư ứng dụng CNTT

1. Quy định nội dung công tác triển khai đối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, thiết bị, phần mềm thương mại và triển khai xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng phần mềm nội bộ.
2. Quy định về lập nhật ký triển khai, mẫu biểu nhật ký triển khai.
3. Quy định nội dung giám sát triển khai, mẫu biểu nhật ký giám sát triển khai và các mẫu biểu trong quá trình giám sát triển khai (các biên bản, mẫu biên bản nghiệm thu kỹ thuật).
4. **Quy định công tác kiểm thử, vận hành thử sản phẩm của dự án.**
5. Quy định công tác nghiệm thu, bàn giao sản phẩm, hạng mục công việc của dự án.
6. Quy định các nội dung bảo trì, duy trì, vận hành sản phẩm dự án.
7. Quy định danh mục hồ sơ hoàn thành phục vụ lưu trữ của dự án.

⇒ **Bỏ các quy định:**

- *Giám sát khảo sát.*
- *Tổng nghiệm thu dự án.*

## 5. CÁC VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH

---

### Thông tư 23/2020/TT-BTTTT quy định một số nội dung đặc thù của hợp đồng thuê dịch vụ CNTT sử dụng nguồn vốn NSNN

1. Phạm vi áp dụng đối với hợp đồng thuê dịch vụ không sẵn có trên thị trường.

2. Các nội dung đặc thù của hợp đồng thuê dịch vụ CNTT gồm:

- ✓ Yêu cầu về phạm vi cung cấp gồm yêu cầu chất lượng dịch vụ và các yêu cầu đặc thù khác (*chuyển giao thông tin và dữ liệu hình thành trong quá trình thuê dịch vụ, bảo đảm an toàn thông tin mạng*).
- ✓ Thời gian và kế hoạch thực hiện hợp đồng (*thời gian thực hiện hợp đồng bao gồm thời gian chuẩn bị cung cấp dịch vụ + thời gian thuê dịch vụ + thời gian chuyển giao, bàn giao, thực hiện các nghĩa vụ khác*).
- ✓ Thanh toán hợp đồng thuê: *Phương thức thanh toán phải phù hợp với phương pháp xác định chi phí thuê dịch vụ CNTT trong KH thuê được duyệt. Trường hợp thay đổi phương thức thanh toán phải thỏa thuận, đàm phán, thống nhất nhưng không được vượt giá trúng thầu, dự toán hoặc giá gói thầu.*
- ✓ Kiểm tra, đánh giá chất lượng dịch vụ gồm có kiểm tra, đánh giá trong giai đoạn chuẩn bị cung cấp dịch vụ (*qua kiểm thử, vận hành thử và các phương pháp khác*) và kiểm tra, đánh giá trong giai đoạn cung cấp dịch vụ.

3. Các mẫu biểu liên quan trong quá trình thuê dịch vụ CNTT.

## 5. CÁC VĂN BẢN DỰ THẢO ĐANG XÂY DỰNG

Thông tư hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư ứng dụng CNTT

1

Văn bản thay thế  
Công văn  
2589/BTTTT-  
UDCNTT về  
hướng dẫn xác  
định giá trị phần  
mềm nội bộ

2

Văn bản thay thế  
Công văn  
3787/BTTTT-THH  
hướng dẫn xác  
định chi phí kiểm  
thử phần mềm  
nội bộ

3

## 5. CÁC VĂN BẢN DỰ THẢO ĐANG XÂY DỰNG

---

### Dự thảo Thông tư hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư ứng dụng CNTT

Phạm vi áp dụng đơn giá nhân công:

Đơn giá nhân công áp dụng nhân công CNTT trực tiếp (công nhân, kỹ sư) trong quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

C  
01

Nội dung cụ thể xác định đơn giá nhân công:

- ✓ Đưa ra công thức xác định đơn giá nhân công trực tiếp.
- ✓ Mức lương cơ sở là mức lương do Chính phủ quy định trong từng thời kỳ
- ✓ Quy định bảng cấp bậc, hệ số lương công nhân, kỹ sư (tính theo hướng dẫn tại Thông tư số 17/2015/TT-BLĐTBXH).

C  
02

## 5. CÁC VĂN BẢN DỰ THẢO ĐANG XÂY DỰNG



Các văn bản về **định mức, đơn giá** khác trong kế hoạch xây dựng, ban hành định mức của Bộ TTTT như:

- ✓ *Định mức quản trị, duy trì, vận hành, tích hợp HTTT trong CQNN*
- ✓ *Định mức điều tra, khảo sát để lập dự án UDCNTT*
- ✓ *Định mức tạo lập CSDL trong hoạt động UDCNTT*
- ✓ *Định mức lắp đặt phần cứng và cài đặt phần mềm trong UDCNTT*

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!

